

CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN (THÁNG 2/1930)	3
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI	5
Vai trò của sinh viên trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay	12
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931	13
LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ THÁNG 10 /1930	14
ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ NHẤT (3/1935)	15
HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG TÁM	15
PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936-1939	16
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939-1945	18
CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC	19
TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN(CMT8)	20
LÃNH ĐẠO VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG 1945-1946	24
TỔ CHỨC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM Ở NAM BỘ	25
ĐẠI HỘI LẦN THỨ II VÀ CHÍNH CƯƠNG CỦA ĐẢNG (2/1951)	29
CÁCH MẠNG HAI MIỀN NAM BẮC 1954-1975	33
LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG CẢ NƯỚC 1965-1975	36
ĐẠI HỘI IV	38
ĐẠI HỘI V	40
ĐẠI HỘI VI	41
ĐẠI HỘI VII	43
ĐẠI HỘI VIII	45
ĐẠI HỘI IX	47
ĐẠI HỘI X	48
ĐẠI HỘI XI	50
ĐẠI HỘI XII	52

CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN (THÁNG 2/1930)

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23-12-1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Kông (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đến họp tại Cửu Long (Hồng Kông) tiến hành hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.

Hội nghị thảo luận, tán thành ý kiến chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, thông qua các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong các văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, có hai văn kiện, đó là: Chánh cương vắn tắt của Đảng và Sách lược vắn tắt của Đảng² đã phản ánh về đường hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, hai văn kiện trên là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng:

Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: Từ việc phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam-một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam trong đó có công nhân, nông dân với đế quốc ngày càng gay gắt cần phải giải quyết, đi đến xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Như vậy, mục tiêu chiến lược được nêu ra trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã làm rõ nội dung của cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản.

Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”, “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”. Cương lĩnh đã xác định: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

Về phương diện xã hội, Cương lĩnh xác định rõ:

- a) Dân chúng được tự do tổ chức
- b) Nam nữ bình quyền, v.v...
- c) Phổ thông giáo dục theo công nông hoá

Về phương diện kinh tế, Cương lĩnh xác định: Thu hết các thứ quốc trái; thu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm tám giờ... Những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam về phương diện xã hội và phương diện kinh tế nêu trên vừa phản ánh đúng tình hình kinh tế, xã hội, cần được giải quyết ở Việt Nam, vừa thể hiện tính cách mạng, toàn diện, triệt để là xóa bỏ tận gốc ách thống trị, bóc lột hà khắc của ngoại bang, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, đặc biệt là giải phóng cho hai giai cấp công nhân và nông dân.

Xác định lực lượng cách mạng: phải đoàn kết công nhân, nông dân-đây là lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Do vậy, Đảng “phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình”, “phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày,... hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”. Đây là cơ

sở của tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức yêu nước, cách mạng, trên cơ sở đánh giá đúng đắn thái độ các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam.

Xác định phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp “không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp”. Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, nhưng kiên quyết: “bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ”.

Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế, Cương lĩnh chỉ rõ trong khi thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp

Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng” “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng”

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh một cách súc tích các luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong đó, thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam lúc đó, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Từ đó, các văn kiện đã xác định đường lối chiến lược và sách của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

Giá trị của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam hiện nay:

Giá trị thứ nhất, Cương lĩnh xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) là chống đế quốc, chống phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng. Xuất phát từ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, Cương lĩnh đã phân tích mối quan hệ gắn bó giữa hai nhiệm vụ cơ bản là chống đế quốc và chống phong kiến gắn bó chặt chẽ với nhau nhưng trước hết phải đánh đổ đế quốc, “làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập”. Đây là cơ sở để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Chỉ có độc lập tự do của đất nước mới đủ điều kiện để thực hiện quyền con người, quyền công dân.

Giá trị thứ hai, chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc được xây dựng từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt cách mạng Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Tư tưởng này thể hiện rõ trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng về các lực lượng cách mạng. Những lực lượng như tiểu tư sản, trí thức, trung, tiểu địa chủ đều được Đảng chủ trương tập hợp, đoàn kết lại trong lực lượng cách mạng do công nông làm nòng cốt.

Giá trị thứ ba, chủ nghĩa yêu nước là nền tảng cơ sở cho sự thống nhất trong khác biệt nhằm tập hợp lực lượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của một đất nước tiềm lực kinh tế, quân sự không lớn, người không đông, lại phải đối mặt với các thế lực đế quốc đầu sỏ. Hiện nay, khi tình hình Biển Đông không bình yên, chủ quyền biển, đảo đang bị đe dọa, hơn bao giờ hết việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tranh thủ sức mạnh quốc tế là yếu tố quyết định để bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Giá trị thứ tư, xác định rõ sứ mệnh lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cùng với Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng, Hội nghị thông qua Điều lệ vắn tắt và Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng. Các văn kiện này chỉ rõ: Đảng Cộng

sản Việt Nam là Đảng của giai cấp vô sản; Đảng được tổ chức ra để dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo quần chúng lao khổ đấu tranh giải phóng toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột “để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”.

Bản thân em là sinh viên, em nhận thức rằng:

Từ khi ra đời đến nay, Đảng đã có 5 Cương lĩnh chính trị Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là Cương lĩnh do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là tư tưởng xuyên suốt của Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Cương lĩnh thứ năm là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được thông qua tại Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cương lĩnh xác định xã hội xã hội chủ nghĩa nhân dân Việt Nam đang xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Do nhân dân làm chủ. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp. Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Bản thân em là sinh viên cần cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ học tập trong nhà trường, có ý thức chính trị, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và xã hội. Tự hào dân tộc, tinh thần bất khuất, ý chí độc lập và tự cường của con người Việt Nam; tinh thần vượt khó, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học; tinh thần xây dựng ý thức tập thể, ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội; giáo dục truyền thống cần cù, tiết kiệm, rèn luyện tình yêu lao động, tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, xã hội, rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho thanh niên, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Tham gia các hoạt động thực tiễn cần đặc biệt chú ý công tác định hướng tư tưởng, phương pháp nêu gương người tốt, việc tốt, để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

Để có tri thức, ý chí, niềm tin chính trị đòi hỏi quá trình tự rèn luyện không ngừng của bản thân theo định hướng của các chủ thể giáo dục. Tham gia tích cực trong các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học cũng như trong các hoạt động thực tiễn có ý nghĩa quyết định. Đồng thời tự học, kết hợp giữa “học” với “hành” trên cơ sở những kiến thức tiếp thu được từ nhà trường, gia đình và xã hội.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

Bối cảnh lịch sử:

- Quốc tế:

Từ nửa sau thế kỷ XIX, các nước tư bản Âu-Mỹ có những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế-xã hội. Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa), đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ-Latinh, biến các quốc gia này thành thuộc địa của các nước đế quốc

Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đối với các nước tư bản, mà còn có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920) đã thông qua luận cương về dân tộc và thuộc địa do V.I.Lênin khởi xướng. Cách mạng Tháng Mười và những hoạt động cách mạng của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thức tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam và Đông Dương.

- Trong nước:

Là quốc gia Đông Nam Á nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng của châu Á, Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp trong cuộc chạy đua với nhiều đế quốc khác

Về kinh tế:

Từ năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành các cuộc khai thác thuộc địa lớn: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914)

Pháp nhằm biến Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của “chính quốc”, đồng thời ra sức vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề.

Chế độ cai trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam là “chế độ độc tài chuyên chế nhất, nó vô cùng khắt khe và khủng khiếp hơn cả chế độ chuyên chế của nhà nước quân chủ châu Á đời xưa”

Về chính trị:

Dùng vũ lực đàn áp đẫm máu đối với các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, thực dân Pháp tiến hành xây dựng hệ thống chính quyền thuộc địa, bên cạnh đó vẫn duy trì chính quyền phong kiến bản xứ làm tay sai.

Pháp thực hiện chính sách “chia để trị” nhằm phá vỡ khối đoàn kết cộng đồng quốc gia dân tộc: chia ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) với các chế độ chính trị khác nhau nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp (Union Indochinoise) được thành lập ngày 17-10-1887 theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp

Về văn hóa xã hội:

Thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” để dễ cai trị, lập nhà tù nhiều hơn trường học, đồng thời du nhập những giá trị phản văn hóa, duy trì tệ nạn xã hội vốn có của chế độ phong kiến và tạo nên nhiều tệ nạn xã hội mới, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc các thế hệ người Việt Nam, ra sức tuyên truyền tư tưởng “khai hóa văn minh” của nước “Đại Pháp”...

Giai cấp nông dân chiếm số lượng đông đảo nhất (khoảng hơn 90% dân số), đồng thời là một giai cấp bị phong kiến, thực dân bóc lột nặng nề nhất.

Giai cấp công nhân sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, nhanh chóng phát triển từ “tự phát” đến “tự giác”, thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

Một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc, họ bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế.

Tầng lớp tiểu tư sản (tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,...) bị đế quốc, tư bản chèn ép, khinh miệt, do đó có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị và thời cuộc.

Các sĩ phu phong kiến cũng có sự phân hóa. Một bộ phận hướng sang tư tưởng dân chủ tư sản hoặc tư tưởng vô sản. Một số người khởi xướng các phong trào yêu nước có ảnh hưởng lớn.

Chế độ áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. Các giai cấp cũ phân hóa, giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau và do đó cũng có thái độ chính trị khác nhau đối với vận mệnh của dân tộc.

- Các phong trào yêu nước:

Phong trào cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng (1885- 1896). Hưởng ứng lời kêu gọi cần Vương cứu nước, các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)... diễn ra sôi nổi và thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của các tầng lớp nhân dân.

Cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng thất bại (1896) cũng là mốc chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam. Đầu thế kỷ XX, Vua Thành Thái và Vua Duy Tân tiếp tục đấu tranh chống Pháp, trong đó có khởi nghĩa của Vua Duy Tân (5-1916).

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở vùng miền núi và trung du phía Bắc, phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của vị thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, nghĩa quân đã xây dựng lực lượng chiến đấu, lập căn cứ và đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp. Nhưng phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng “cốt cách phong kiến”, không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cuối cùng cũng bị thực dân Pháp đàn áp.

Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo: (gọi là phong trào “Đông Du”). Đến năm 1908

Sau khi phong trào Đông Du thất bại, với sự ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi (1911) Trung Quốc, năm 1912 Phan Bội Châu lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội với tôn chỉ là vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam.

Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh: Phan Châu Trinh và những người cùng chí hướng muốn giành độc lập cho dân tộc nhưng không đi theo con đường bạo động như Phan Bội Châu, mà chủ trương cải cách đất nước. Phan Châu Trinh cho rằng “bất bạo động, bạo động tắc tử”; phải “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp.

Phong trào Duy Tân lan rộng khắp cả Trung Kỳ và Nam Kỳ, đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung Kỳ (1908), thực dân Pháp đã đàn áp dã man, giết hại nhiều sĩ phu và nhân dân tham gia biểu tình. Nhiều sĩ phu bị bắt, bị đày đi Côn Đảo, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn...

Hoạt động có ảnh hưởng rộng và thu hút nhiều học sinh, sinh viên yêu nước ở Bắc Kỳ là tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Trên cơ sở các tổ chức yêu nước của tiểu tư sản trí thức, Việt Nam Quốc dân đảng được chính thức thành lập tháng 12-1927 tại Bắc Kỳ.

Mục đích của Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp đấu tranh vũ trang nhưng theo lối manh động, ám sát cá nhân và lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên....

Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cho đến những năm 20 của thế kỷ XX đều thất bại, nhưng đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức tiên tiến chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại. Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

Trước yêu cầu cấp thiết giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, với nhiệt huyết cứu nước, với nhãn quan chính trị sắc bén, vượt lên trên hạn chế của các bậc yêu nước đương thời, năm 1911, Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Năm 1917, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ tới nhận thức của Nguyễn Tất Thành. . Người từ nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động chính trị hướng về tìm hiểu con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, về V.I.Lênin.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người An Nam yêu nước ở Pháp gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam (gồm tám điểm đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam)

Những yêu sách đó dù không được Hội nghị đáp ứng, nhưng sự kiện này đã tạo nên tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế và Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ hơn bản chất của đế quốc, thực dân

Tháng 7-1920, Người đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Lý luận của V.I.Lênin và lập trường đúng đắn của Quốc tế Cộng sản về cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc xác định thái độ ủng hộ việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12- 1920) tại thành phố Tua (Tour).

Nguyễn Ái Quốc cùng với những người vừa bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố thành lập Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản-tức là Đảng Cộng sản Pháp

Ngày 30-6-1923, Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô và làm việc tại Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova, tham gia nhiều hoạt động, đặc biệt là dự và đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (17-6 - 8-7-1924), làm việc trực tiếp ở Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng:

- Về tư tưởng:

Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo Le Paria (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài trên các báo Nhân đạo, Đời Sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tạp san Thư tín quốc tế,...

Người tiến hành tuyên truyền tư tưởng về con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng theo lý luận Mác-Lênin, xây dựng mối quan hệ gan bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc.

- Về chính trị:

Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định rằng, con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc;

. Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân.

Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở “chính quốc” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở “chính quốc” mà có thể thành công trước cách mạng vô sản ở “chính quốc”, góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở “chính quốc”.

Phong trào “Vô sản hóa” do Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên phát động từ ngày 29-9-1928 đã góp phần truyền bá tư tưởng vô sản, rèn luyện cán bộ và xây dựng phát triển tổ chức của công nhân.

- Về tổ chức:

Tháng 11- 1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc)-nơi có đông người Việt Nam yêu nước hoạt động-để xúc tiến các công việc tổ chức thành lập đảng cộng sản. Tháng 2-1925, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã, lập ra nhóm Cộng sản đoàn.

Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc), , mục đích: để làm cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản).

Hội đã xuất bản tờ báo Thanh niên (do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo), tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội, truyền truyền chủ nghĩa Mác-Lênin và phương hướng phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam.

. Báo Thanh niên đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam.

Sau khi thành lập, Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách, phái người về nước vận động, lựa chọn và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị.

Sau sự biến chính trị ở Quảng Châu (4-1927), Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova và sau đó được Quốc tế Cộng sản cử đi công tác ở nhiều nước Châu Âu. Năm 1928, Người trở về Châu Á và hoạt động ở Xiêm (tức Thái Lan).

Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu, được Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản thành cuốn Đường Cách mệnh. . Đường Cách mệnh xác định rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và phương pháp đấu tranh của cách mạng.

Ở trong nước, từ đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở ở trong nước, đến đầu năm 1927 các kỳ bộ được thành lập

Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên chưa phải là chính đảng cộng sản, nhưng chương trình hành động đã thể hiện quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, là tổ chức tiền thân dẫn tới ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hội là tổ chức trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và cũng là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Những hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928-1929 theo xu hướng cách mạng vô sản. Đó là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Các tổ chức cộng sản ra đời

Tháng 3-1929, những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) họp tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, quyết định lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Ngày 17-6-1929, đại biểu của các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ; lấy cờ đỏ búa liềm là Đảng kỳ và quyết định xuất bản báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận.

Tháng 11-1929, trên cơ sở các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ, An Nam Cộng sản Đảng được thành lập tại Khánh Hội, Sài Gòn, công bố Điều lệ, quyết định xuất bản Tạp chí Bônsovích. Tại Trung Kỳ, Tháng 9-1929, những người tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng đảng họp bàn việc thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn và ra Tuyên đạt, khẳng định: "...những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mệnh Đảng trình trọng tuyên ngôn cùng toàn thể đảng viên Tân Việt Cách mệnh Đảng, toàn thể thợ thuyền dân cày và lao khổ biết rằng chúng tôi đã chánh thức lập ra Đông Dương Cộng sản Liên đoàn...

Đến cuối tháng 12-1929, tại Đại hội các đại biểu liên tỉnh tại nhà đồng chí Nguyễn Xuân Thanh-ủy viên Ban Chấp hành liên tỉnh (ga Chợ Thượng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), nhất trí quyết định “Bỏ tên gọi Tân Việt. Đặt tên mới là Đông Dương Cộng sản liên đoàn”. Khi đang Đại hội, sợ bị lộ, các đại biểu di chuyển đến địa điểm mới thì bị địch bắt vào sáng ngày 1-1-1930. “Có thể coi những ngày cuối tháng 12- 1929 là thời điểm hoàn tất quá trình thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn được khởi đầu từ sự kiện công bố Tuyên đạt tháng 9-1929”

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam:

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23-12-1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Kông (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đến họp tại Cửu Long (Hồng Kông) tiến hành hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.

Thành phần dự Hội nghị: gồm 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh), 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-đại biểu của Quốc tế Cộng sản

Thành phần dự Hội nghị: gồm 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh), 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-đại biểu của Quốc tế Cộng sản.

Chương trình nghị sự của Hội nghị:

1. Đại biểu của Quốc tế Cộng sản nói lý do cuộc hội nghị;
2. Thảo luận ý kiến của đại biểu Quốc tế Cộng sản về:
 - a) Việc hợp nhất tất cả các nhóm cộng sản thành một tổ chức chung, tổ chức này sẽ là một Đảng Cộng sản chân chính;
 - b) Kế hoạch thành lập tổ chức đó. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu ra năm điểm lớn cần thảo luận và thống nhất:
 1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương;
 2. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;
 3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược;
 4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;
 5. Cử một Ban Trung ương lâm thời...”

Hội nghị thảo luận, tán thành ý kiến chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, thông qua các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị xác định rõ tôn chỉ mục đích của Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”.

Đến ngày 24-2-1930, việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất được hoàn thành với Quyết nghị của Lâm thời chấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có giá trị như một Đại hội Đảng. Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc ra Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng. Mở đầu Lời kêu gọi, Người viết: “Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ”.

Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam:

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Đó là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của phong trào cách mạng trong cả nước, sự chuẩn bị tích cực, sáng tạo, bản lĩnh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ cách mạng tiên phong vì lợi ích của giai cấp và dân tộc.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó cũng là kết quả của sự phát triển cao và thống nhất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam-con đường cách mạng vô sản. Con đường duy nhất đúng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Vai trò của sinh viên trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay

Sinh viên là lực lượng kế tục, phát huy nguồn trí tuệ nước nhà, là nguồn lực chủ yếu trong thời đại kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, đóng vai trò then chốt trong phát triển đất nước, là lực lượng to lớn trong việc giữ gìn và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay

Ngày nay, bước vào thời kỳ công nghiệp 4.0, các nước ra sức chạy đua về công nghệ, kỹ thuật với hàng loạt các công trình nghiên cứu, sáng chế, áp dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến vào đời sống sản xuất, tối ưu hóa các quy trình sản xuất. Nhận thấy điều này, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương để đưa đất nước hội nhập, theo kịp với sự phát triển của thế giới. Đại hội Đảng XIII đã đề ra chủ trương “phải đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển nền kinh tế số, xã hội số” cùng hàng loạt các chính sách, chủ trương khác. Những vấn đề được Tổng Bí thư nêu trong bài viết đã khẳng định những nhiệm vụ quan trọng thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của thế hệ trẻ hiện nay.

Thứ nhất, chăm chỉ, sáng tạo, có mục đích và động cơ học tập đúng đắn, học tập để mai sau xây dựng đất nước, hiểu được học tập tốt là yêu nước. Theo Tổng Bí thư, “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Để thực hiện được mục tiêu đó, một trong những nhiệm vụ đặt ra là “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức”. Trong đó, tuổi trẻ Việt Nam nói chung và sinh viên Việt Nam nói riêng đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, có đầy đủ kiến thức, kỹ năng để thích ứng với những bước phát triển mới trong khoa học và công nghệ.

Thứ hai, tích cực rèn luyện đạo đức, tác phong; lối sống trong sáng, lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội; biết đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống lai căng, thực dụng, xa rời các giá trị văn hoá - đạo đức truyền thống của dân tộc. Ở vị trí là những người con được kế thừa nền hòa bình, độc lập dân tộc, được thụ hưởng những sản phẩm của quá trình phát triển đất nước, tuổi trẻ Việt Nam phải luôn tỉnh táo, kiên quyết chống lại và bài trừ những hành vi suy thoái đạo đức, văn hóa, dũng cảm lên án các hành vi vi phạm pháp luật, các tệ nạn xã hội. Để gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, các bạn trẻ phải tự rèn luyện, nâng cao đón nhận các sản phẩm nước ngoài một cách có chọn lọc, tránh lối sống sình ngoại, chê bai các mặt hàng nội địa, tránh thực trạng mù quáng trước văn hóa nước ngoài, phải để bản thân “hòa nhập chứ không hòa tan”. Bên cạnh đó, tuổi trẻ Việt Nam cần phải “học lịch sử” chứ không chỉ dừng ở “học môn lịch sử”, tôn trọng lịch sử chính là tiền đề để tôn trọng văn hóa, tạo điều kiện để phát huy và khơi gợi một cách đầy đủ nhất những giá trị to lớn của dân tộc Việt Nam mà ông cha ta đã xây dựng, bảo vệ trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước.

Thứ ba, luôn nâng cao nhận thức chính trị, học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tránh nhạt Đảng, khô Đoàn, xa rời chính trị.

Thứ tư, biết trau dồi các kỹ năng hội nhập trong thời kỳ mới, tiếp thu sự phát triển của công nghệ, phát triển bản thân phù hợp với hoàn cảnh gia đình và xã hội.

Thứ năm phấn đấu nâng cao chất lượng của người đoàn viên; tích cực tham gia các hoạt động của Đoàn, Hội, Đội; mỗi đoàn viên gắn hoạt động của mình với hoạt động của tập thể thanh niên nơi mình sinh sống hoặc công tác. Sinh viên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo em trước hết phải là: Người công dân tốt, người bạn tốt của thanh niên, là tấm gương tốt của thiếu nhi, là người có uy tín trong tập thể thanh niên và cộng đồng dân cư...

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931

Trong thời gian 1929-1933, khi Liên Xô đang đạt được những thành quả quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước, thì ở các nước tư bản chủ nghĩa diễn ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trên qui mô lớn với những hậu quả nặng nề, làm cho những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào cách mạng thế giới dâng cao.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ảnh hưởng lớn đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, đồng thời tiến hành một chiến dịch khủng bố trắng nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930).

Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng phát triển gay gắt. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam đã “lãnh đạo ngay một cuộc đấu tranh kịch liệt chống thực dân Pháp”

Từ tháng 1 đến tháng 4-1930, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy... Phong trào đấu tranh của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh...

Trong tháng 5-1930 đã nổ ra 16 cuộc bãi công của công nhân, 34 cuộc biểu tình của nông dân và 4 cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân thành thị. Từ tháng 6 đến tháng 8- 1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh, nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy-Vinh (8-1930), đánh dấu “một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến”

Cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên, ngày 12- 9- 1930, bị máy bay Pháp ném bom giết chết 171 người. Như lửa đổ thêm dầu, phong trào cách mạng bùng lên dữ dội.

Khi chính quyền Xô viết ra đời và là đỉnh cao của phong trào cách mạng. Từ cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung mọi lực lượng đàn áp khốc liệt, kết hợp thủ đoạn bạo lực với những thủ đoạn chính trị như cường bức dân cày ra đầu thú, tổ chức

rước cờ vàng, nhận thẻ quy thuận... Đầu năm 1931, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đầy. Tháng 4-1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt, không còn lại một ủy viên nào²⁹. “Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết”

Phong trào cách mạng 1930-1931 có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, đã “khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta; ở chỗ nó đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc vào giai cấp vô sản, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng vĩ đại của mình..”

Cao trào cũng để lại cho Đảng những kinh nghiệm quý báu “về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang v.v..”

LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG THÁNG 10 /1930

Từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng tức Hồng Kông (Trung Quốc), quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương có các nội dung chính':

Xác định mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.

Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền”, “có tính chất thổ địa và phản đế”. Sau đó sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”.

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tiến tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để” và “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau:

Luận cương nhấn mạnh: “Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền”, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

Giai cấp vô sản và nông dân là hai động chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh.

Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương khẳng định: “điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chính trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”.

Về phương pháp cách mạng, Luận cương nêu rõ phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “vũ trang bạo động”. Đón lúc có tình thế cách mạng, “Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chính phủ của địch nhân và giành lấy chính quyền cho công nông”. Vũ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”

Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng, về cơ bản thống nhất với nội dung của Chính cương, sách lược vắn tắt của Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930. Tuy nhiên, Luận cương đã không nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất; không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai.

ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ NHẤT (3/1935)

Ngày 11-4-1931, Quốc tế Cộng sản ra Nghị quyết công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là chi bộ độc lập. Đó là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đầu năm 1932, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí công bố Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương và các chương trình hành động của Công hội, Nông hội, Thanh niên cộng sản đoàn...

Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương (15-6-1932) vạch ra nhiệm vụ đấu tranh trước mắt để khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng, đặc biệt cần phải “gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng đạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu”

Đầu năm 1934, theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập lãnh đạo, chỉ đạo phong trào trong nước như chức năng, trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương.

Đến đầu năm 1935, hệ thống tổ chức của Đảng được phục hồi. Đó là cơ sở để tiến tới Đại hội lần thứ nhất của Đảng

Tháng 3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đề ra ba nhiệm vụ trước mắt:

- 1- Củng cố và phát triển Đảng
- 2- - Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng,
- 3- Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô và ủng hộ cách mạng Trung Quốc... Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng và các nghị quyết về vận động quần chúng

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản

Đại hội lần thứ nhất đánh dấu sự phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, tạo điều kiện để bước vào một cao trào cách mạng mới.

HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG TÁM

Thứ nhất, hết sức nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp-Nhật, bởi vì dưới hai tầng áp bức Nhật-Pháp, “quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”

Thứ hai, khẳng định dứt khoát chủ trương “phải thay đổi chiến lược” và giải thích: “Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà

là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”. Trung ương Đảng khẳng định: “Chưa chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc”

Thứ ba, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Sau khi đánh đuổi Pháp-Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ “tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý”. “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”

Thứ tư, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, “không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc”. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc”. Trong việc xây dựng các đoàn thể cứu quốc, “điều cốt yếu không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc”

Thứ năm, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ, một hình thức nhà nước “của chung cả toàn thể dân tộc”. Hội nghị chỉ rõ, “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xô viết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hiệp và thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa”

Thứ sáu, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân; “phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù”. Trong những hoàn cảnh nhất định thì “với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị tháng 11-1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936-1939

Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng

Để giải quyết những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, giai cấp tư sản ở một số nước như Đức, Italia, Tây Ban Nha... chủ trương dùng bạo lực đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và chuẩn bị phát động chiến tranh thế giới để chia lại thị trường. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và tạm thời thắng thế ở một số nơi. Nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Quốc tế Cộng sản họp Đại hội VII tại Mátxcova (Liên Xô) (7-1935), xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh bảo vệ dân chủ và hòa bình

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản có Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Nọn. Tổng Bí thư Lê Hồng Phong được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Mặt trận nhân dân Pháp thành lập từ tháng 5-1935 do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, đã giành được thắng lợi vang dội trong cuộc tổng tuyển cử năm 1936, dẫn đến sự ra đời của Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. Chính phủ này ban bố nhiều quyền tự do dân chủ, trong đó có những quyền được áp dụng ở thuộc địa, tạo không khí chính trị thuận lợi cho cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân các nước trong hệ thống thuộc địa Pháp. Nhiều tù chính

trị cộng sản được trả tự do. Các đồng chí đã tham gia ngay vào công việc lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng góp phần rất quan trọng thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển.

Ở Việt Nam Đảng Cộng sản Đông Dương đã phục hồi hệ thống tổ chức sau một thời gian đấu tranh cực kỳ gian khổ và tranh thủ cơ hội thuận lợi để xây dựng, phát triển tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng rộng rãi.

Chủ trương của Đảng

Ngày 26-7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), do Lê Hồng Phong chủ trì, có Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên dự, nhằm “sửa chữa những sai lầm” trước đó và “định lại chính sách mới” dựa theo những nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình; “lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ”

Các Hội nghị lần thứ ba (3-1937) và lần thứ tư (9-1937) Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3-1938 nhấn mạnh “lập Mặt trận dân chủ thống nhất là một nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại

Cùng với việc đề ra chủ trương cụ thể, trước mắt để lãnh đạo phong trào dân chủ 1936-1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và dân địa. Chỉ thị của Ban Trung ương Gửi các tổ chức của Đảng (26-7-1936) chỉ rõ, “ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp, có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào dân tộc”

Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vận động dân chủ diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939), thực dân Pháp đàn áp cách mạng. Đảng rút vào hoạt động bí mật. Cuộc vận động dân chủ kết thúc. Đó thực sự là một phong trào cách mạng sôi nổi, có tính quần chúng rộng rãi, nhằm thực hiện mục tiêu trước mắt là chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

Qua cuộc vận động dân chủ, Đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người được tập hợp, giác ngộ và rèn luyện. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng. Tổ chức Đảng được củng cố và phát triển.

Đảng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm mới. Đó là kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược: giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt; về xây dựng một mặt trận thống nhất rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất; về kết hợp các hình thức tổ chức bí mật và công khai để tập hợp quần chúng và các hình thức, phương pháp đấu tranh; tổ chức Đông Dương đại hội, đấu tranh nghị trường, trên mặt trận báo chí, đòi dân sinh, dân chủ, bãi công lớn của công nhân vùng mỏ (12-11-1936), kỷ niệm Ngày Quốc tế lao động 1-5. Thực tiễn phong trào chỉ ra rằng: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng”

Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đã làm cho trận địa và lực lượng cách mạng được mở rộng ở cả nông thôn và thành thị, thực sự là một bước chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau này.

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939-1945

Bối cảnh lịch sử

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ Đaladiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận Nhân dân Pháp tan vỡ. ở Đông Dương, bộ máy đàn áp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người...

Tháng 6-1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ của Thủ tướng Pétanh (Pétain) ký văn bản đầu hàng Đức. tháng 6-1941 Đức tiến công Liên Xô.

Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, tăng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” nhằm tăng cường vỡ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc. Tháng 9-1940, quân phiệt Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”.

Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Quân phiệt Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển và trong đất liền.

Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ, Đảng kịp thời rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, đồng thời vẫn chú trọng các đô thị.

Chủ trương chiến lược mới của Đảng

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) phân tích tình hình và chỉ rõ: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luân da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”

“Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”⁴³. Khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” phải tạm gác và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, thu hút tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương.

Ngày 17-1-1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt. Nhiều đồng chí Trung ương cũng sa vào tay giặc.

Tuy nhiên, hơn một tháng sau khi Nhật vào Đông Dương, Hội nghị cán bộ Trung ương họp tháng 11-1940 lập lại Ban Chấp hành Trung ương và cho rằng: “Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước, cái làm sau”. “Mặc dù lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế-cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết dụng hơn song nếu không làm được cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và làm việc ở Cao Bằng. Tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Phong trào chống Pháp-Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang:

Ngày 27-9-1940, nhân khi quân Pháp ở Lạng Sơn bị Nhật tiến đánh phải rút chạy qua đường Bắc Sơn-Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương nổi dậy khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Khởi nghĩa Bắc Sơn là bước phát triển của đấu tranh vũ trang vì mục tiêu giành độc lập.

Tháng 11-1940, Hội nghị cán bộ Trung ương họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) quyết định duy trì và củng cố lực lượng vũ trang ở Bắc Sơn và đình chỉ chủ trương phát động khởi nghĩa ở Nam Kỳ. Tuy nhiên, chủ trương hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ chưa được triển khai thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đêm ngày 23-11-1940. Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bót và tiến công nhiều quận lỵ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở một số địa phương và ban bố các quyền tự do dân chủ, mở các phiên tòa để xét xử phản cách mạng... Cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp đàn áp khốc liệt, làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề, phong trào cách mạng Nam Kỳ gặp khó khăn trong nhiều năm sau.

Khói lửa của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ chưa tan, ngày 13-1-1941, một cuộc binh biến nổ ra ở đồn Chợ Rạng (huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) do Đội Cung chỉ huy, nhưng cũng bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng. Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương là “những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”

Ngày 25-10-1941, Việt Minh công bố Tuyên ngôn, nêu rõ: “Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời”. Chương trình Việt Minh đáp ứng nguyện vọng cứu nước của mọi giới đồng bào, nên phong trào Việt Minh phát triển rất mạnh, mặc dù bị kẻ thù khủng bố gắt gao.

Năm 1943, Đảng công bố bản Đề cương về văn hóa Việt Nam, xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng, chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng. Cuối năm 1944, Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam ra đời, thu hút trí thức và các nhà hoạt động văn hóa vào mặt trận đấu tranh giành độc lập, tự do.

Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập một đội vũ trang ở Cao Bằng để thúc đẩy phát triển cơ sở chính trị và chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang. Tháng 12-1941, Trung ương ra thông cáo Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng, chỉ rõ các đảng bộ địa phương cần phải vận động nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính, bắt phu, chống cướp đoạt tài sản của nhân dân, đòi tăng lương, bớt giờ làm cho công nhân, củng cố và mở rộng các đội tự vệ cứu quốc, thành lập các tiểu tổ du kích để tiến lên thành lập đội du kích chính thức, mở rộng cơ sở quần chúng và lực lượng vũ trang ở các khu du kích... tiến lên phát động khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ.

Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp tổ chức ra đời ở Cao Bằng. Ba ngày sau, đội đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phai Khắt (25-12-1944) và Nà Ngần (26-12-1944). Đội đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ CaoBắc-Lạng.

Ngày 24-12-1944, Đoàn của Tổng bộ Việt Minh do Hoàng Quốc Việt dẫn đầu sang Trung Quốc liên lạc với các nước Đồng Minh để phối hợp chống Nhật. Tháng 2-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh sang Trung Quốc tranh thủ giúp đỡ của Đồng minh chống phát xít Nhật.

CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến về phía Berlin (Đức), ở Tây Âu, Anh-Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp (2-1945) rồi tiến về phía Tây nước Đức. Nước Pháp được giải phóng, chính phủ Đờ Gôn về Paris.

Với sự chuẩn bị từ trước, ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương. Pháp chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một loạt chính sách nhằm củng cố quyền thống trị. Chính phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim được Nhật dựng ra với cái bánh vẽ “độc lập” để phục vụ cho nền thống trị của chủ

nghĩa phát xít. Do có lợi ích gắn liền với quân phiệt Nhật, Nội các Trần Trọng Kim ra Tuyên cáo, kêu gọi “quốc dân phải gắng sức làm việc, chịu nhiều hy sinh hơn nữa và phải thành thực hợp tác với nước Đại Nhật Bản trong sự kiến thiết nền Đại Đông Á, vì cuộc thịnh vượng chung của Đại Đông Á có thành thì sự độc lập của nước ta mới không phải là giấc mộng thoáng qua”

Ngày 12-3-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta, chỉ rõ bản chất hành động của Nhật ngày 9-3-1945 là một cuộc đảo chính tranh giành lợi ích giữa Nhật và Pháp; xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phát xít Nhật; thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít NhậtPháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”, nêu khẩu hiệu “thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương” để chống lại chính phủ thân Nhật.

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức ủy ban giải phóng Việt Nam.

Ngày 15-5-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hoà (Bắc Giang). Hội nghị chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, phát triển lực lượng bán vũ trang và xây dựng bảy chiến khu trong cả nước.

Tháng 5-1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang), chỉ thị gấp rút chuẩn bị đại hội quốc dân, thành lập “khu giải phóng”. Ngày 4-6-1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập và thi hành các chính sách của Việt Minh. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước. Nhiều chiến khu mới được xây dựng như chiến khu Văn-Hiền Lương ở vùng giáp giới hai tỉnh Phú Thọ và Yên Bái, chiến khu Đông Triều (Quảng Yên), chiến khu Hoà-Ninh-Thanh (ở phía Tây ba tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa), chiến khu Vĩnh Tuy và Dầu Rái (Quảng Ngãi)...

Cao trào kháng Nhật cứu nước không những động viên được đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức... mà còn lôi kéo cả tư sản dân tộc và một số địa chủ nhỏ tham gia hoạt động cách mạng. Binh lính, cảnh sát của chính quyền thân Nhật dao động, một số ngả theo cách mạng. Nhiều lý trưởng, chánh, phó tổng, tri phủ, tri huyện và cả một số tỉnh trưởng cũng tìm cách liên lạc với Việt Minh... Bộ máy chính quyền Nhật nhiều nơi tê liệt. Không khí sửa soạn khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

Thực chất của cao trào kháng Nhật cứu nước là một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện. Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN

Giữa tháng 8-1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Sau khi phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và Đồng minh (9-5-1945) và sau đó Liên Xô tuyên chiến với Nhật, đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống các thành phố Hirôshima (6-8-1945) và Nagasaki (9-8-1945). Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện ngày 15-8-1945. Quân Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần. Chính quyền do Nhật dựng lên hoang mang cực độ. Thời cơ cách mạng xuất hiện.

Thời cơ giành chính quyền chỉ tồn tại trong thời gian từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, vào khoảng nửa cuối tháng Tám năm 1945

Ngày 12-8-1945, ủy ban lâm thời khu giải phóng hạ lệnh khởi nghĩa trong khu. Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, phát đi lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Ngày 14 và 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, do lãnh tụ Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì, tập trung phân tích tình hình và xác định ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa là tập trung, thống nhất và kịp thời. Phương hướng hành động trong tổng khởi nghĩa: phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh. Phải chớp lấy những căn cứ chính (cả ở các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào, thành lập ủy ban nhân dân ở những nơi đã giành được quyền làm chủ...

Từ ngày 14-8-1945 trở đi, các đơn vị Giải phóng quân lần lượt tiến công các đồn binh Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái v.v... hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Ngày 16-8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. Từ ngày 14 đến ngày 18-8, ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện.

Tại Hà Nội, ngày 17-8, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim. Đảng bộ Hà Nội bí mật huy động quần chúng trong các tổ chức cứu quốc ở nội và ngoại thành biến cuộc mít tinh đó thành cuộc mít tinh ủng hộ Việt Minh.

Sáng ngày 19-8, Thủ đô Hà Nội tràn ngập cờ đỏ sao vàng. Quần chúng cách mạng xuống đường tập hợp thành đội ngũ, rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố trong tiếng hát “Tiến quân ca” và cờ đỏ sao vàng để dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức, ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh

Ngày 23-8, ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên-Huế huy động quần chúng từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với nhân dân trong nội thành Huế xuống đường biểu dương lực lượng. Bộ máy chính quyền và quân đội Nhật hoàn toàn tê liệt. Quần chúng lần lượt chiếm các công sở không vấp phải sức kháng cự nào.

Đêm 24-8, các lực lượng khởi nghĩa với gậy tầm vông, giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25-8, hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và ủy ban Dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Sáng ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp của Thường vụ Trung ương Đảng, thống nhất những chủ trương đối nội và đối ngoại trong tình hình mới; đề nghị mở rộng hơn nữa thành phần của Chính phủ lâm thời, chuẩn bị ra Tuyên ngôn Độc lập, và tổ chức mít tinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân, cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập chế độ dân chủ cộng hòa. Hồ Chí Minh nhấn mạnh những việc cần làm trước khi quân Trung Hoa dân quốc vào Đông Dương

Ngày 2-9-1945, Lễ độc lập được tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, trình trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong hoàn cảnh khách quan rất thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam là phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu, chính quyền thân Nhật rệu rã, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đó là kết quả và đỉnh cao của 15 năm đấu tranh của toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là cao trào vận động giải phóng dân tộc 1939-1945.

Đảng Cộng sản Đông Dương là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng. Đảng có đường lối chính trị đúng đắn, phương pháp cách mạng sáng tạo, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, bắt rễ sâu trong quần chúng, đoàn kết và thống nhất, quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

- **Tính chất:**

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là “một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính chất dân chủ mới. Nó là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam” “Cách mạng Tháng Tám Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Mục đích của nó là làm cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách đế quốc, làm cho nước Việt Nam thành một nước độc lập tự do”

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình, thể hiện:

Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc, tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai; đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử và ý chí, nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân.

Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc, đoàn kết chặt chẽ trong mặt trận Việt Minh với những tổ chức quần chúng mang tên “cứu quốc”, động viên đến mức cao nhất mọi lực lượng dân tộc lên trận địa cách mạng. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc.

Thành lập chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc” theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hoà dân chủ, chỉ trừ tay sai của đế quốc và những kẻ phản quốc, “còn ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam đều thấy được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy”

Cách mạng đã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân, lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc. Do Cách mạng Tháng Tám, một phần ruộng đất của đế quốc và Việt gian đã bị tịch thu, địa tô được tuyên bố giảm 25%, một số nợ lưu cữu được xoá bỏ.

Cuộc cách mạng đã xây dựng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, xoá bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

Cách mạng Tháng Tám “chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng”, “chưa xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, chưa xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến để cho công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa địa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ. Chính vì thế Cách mạng Tháng Tám có tính chất dân chủ, nhưng tính chất đó chưa được đầy đủ và sâu sắc

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng còn mang đậm tính nhân văn, hoàn thành một bước hết sức cơ bản trong sự nghiệp giải phóng con người ở Việt Nam khỏi mọi sự áp bức về mặt dân tộc, sự bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về mặt tinh thần.

- **Ý nghĩa:**

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, giải quyết thành công vấn đề C0' bản của một cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ bước lên địa vị người chủ đất nước, có quyền quyết định vận mệnh của mình.

Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật trở thành một đảng cầm quyền. Từ đây, Đảng và nhân dân Việt Nam có chính quyền nhà nước cách mạng làm công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, đã đột phá một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám không chỉ là chiến công của dân tộc Việt Nam mà còn là chiến công chung của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập tự do, vì thế nó có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh. Nó chứng tỏ rằng: một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa trước khi giai cấp công nhân ở “chính quốc” lên nắm chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc.

- Kinh nghiệm:

Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược, phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

Thứ hai, về xây dựng lực lượng'. Trên CO' sở khởi liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Theo cách dùng từ của V.I.Lênin trong tác phẩm Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết, thì đó chính là một “/ớ lửa khởi nghĩa dân tộc”[.

Thứ ba, về phương pháp cách mạng: Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở những vùng nông thôn có điều kiện, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, giành chính quyền toàn quốc.

Thứ tư, về xây dựng Đảng: Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn; xây dựng một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng và với đội ngũ cán bộ đảng viên kiên cường được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hoá của dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khi ra đời, dù phải trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, luôn được xây dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Suốt 15 năm đấu tranh cách mạng 1930-1945, Đảng đã lãnh đạo giai cấp và dân tộc hoàn thành mục tiêu giành độc lập, thiết lập nhà nước dân chủ nhân dân.

LÃNH ĐẠO VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG 1945-1946

Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám

- Thuận lợi:

Về quốc tế là sau cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ II, cục diện khu vực và thế giới có những sự thay đổi lớn có lợi cho cách mạng Việt Nam. Liên Xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Nhiều nước ở Đông Trung Âu, được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh dâng cao.

Thuận lợi ở trong nước là Việt Nam trở thành quốc gia độc lập, tự do; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, bị áp bức trở thành chủ nhân của chế độ dân chủ mới. Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Đặc biệt, việc hình thành hệ thống chính quyền cách mạng với bộ máy thống nhất từ cấp Trung ương đến cơ sở, ra sức phục vụ lợi ích của Tổ quốc, nhân dân.

- Khó khăn:

Trên thế giới phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới “chia lại hệ thống thuộc địa thế giới” ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam. Do lợi ích cục bộ của mình, các nước lớn, không có nước nào ủng hộ lập trường độc lập và công nhận địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, bị bao vây cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Cách mạng ba nước Đông Dương nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng phải đương đầu với nhiều bất lợi, khó khăn, thử thách hết sức to lớn và rất nghiêm trọng.

Khó khăn ở trong nước là hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt; hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, sự tàn phá của nạn lũ lụt, nạn đói năm 1945 rất nghiêm trọng. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản một nền kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị hoang hóa, 50% ruộng đất bị bỏ hoang; nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng; các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ, nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 làm 2 triệu người dân chết đói. Thách thức lớn nhất, nghiêm trọng nhất lúc này là âm mưu, hành động quay trở lại thống trị Việt Nam một lần nữa của thực dân Pháp. Ngày 2-9-1945, quân Pháp đã trắng trợn gây hấn, bắn vào cuộc mít tinh mừng ngày độc lập của nhân dân ta ở Sài Gòn-Chợ Lớn. Chính quyền cách mạng non trẻ của Việt Nam trước tình thế “như ngàn cân treo sợi tóc”, cùng một lúc phải đối phó với nạn đói, nạn dốt và bọn thù trong, giặc ngoài.

Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng:

Ngày 3-9-1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay nhiệm vụ lớn trước mắt, là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm. Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc, nhận định tình hình và định hướng con đường đi lên của cách mạng Việt Nam sau khi giành được chính quyền

Những quan điểm và chủ trương, biện pháp lớn được Đảng nêu ra trong bản Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc đã giải đáp trúng, đáp ứng đúng yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ; có tác dụng định hướng tư tưởng, trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ; xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng trong giai đoạn đầy khó khăn, phức tạp này.

Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào lớn, các cuộc vận động, như: tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm với khẩu hiệu tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa; lập hũ gạo tiết kiệm, tổ chức Tuần lễ

vàng, gây Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến v.v. Đầu năm 1946, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân được ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ, góp phần động viên kháng chiến ở Nam Bộ.

Chống giặc đốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần tích cực xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng, phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương phát động phong trào “Bình dân học vụ”, toàn dân học chữ quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn mù chữ; vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ. Đến cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ. Đời sống tinh thần của một bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhân dân tin tưởng vào chế độ mới, nêu cao quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.

Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng'. Đề khẳng định địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam, Đảng và Hồ Chí Minh đã chủ trương sớm tổ chức một cuộc bầu cử toàn quốc theo hình thức phổ thông đầu phiếu để bầu ra Quốc hội và thành lập Chính phủ chính thức

Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được mở rộng nhằm tăng cường thực lực cách mạng, tập trung chống Pháp ở Nam Bộ. Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập do Huỳnh Thúc Kháng làm hội trưởng, Tôn Đức Thắng làm hội phó; thành lập Hội đồng cố vấn Chính phủ do Vĩnh Thụy (tức cựu hoàng Bảo Đại) đứng đầu; thành lập thêm một số đoàn thể xã hội mới, tiếp tục củng cố các tổ chức đoàn thể của Mặt trận Việt Minh

TỔ CHỨC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC Ở NAM BỘ

Đêm 22 rạng ngày 23-9-1945, quân đội Pháp đã nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Nam Bộ). Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Nam Bộ bắt đầu

Để làm thất bại âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh” của quân Tưởng và tay sai, Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện sách lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc” với quân Tưởng; đề ra nhiều đối sách khôn khéo đối phó có hiệu quả với các hoạt động khiêu khích, gây xung đột vũ trang của quân Tưởng; thực hiện giao thiệp thân thiện, ứng xử mềm dẻo, linh hoạt với các yêu sách của quân Tưởng và các tổ chức đảng phái chính trị tay sai thân Tưởng, nhất là số cầm đầu Việt Quốc, Việt Cách. Để tránh mũi nhọn tấn công của các kẻ thù, Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật bằng việc ra “Thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý tự giải tán, ngày 11-11-1945”, chỉ để lại một bộ phận hoạt động công khai với danh nghĩa “Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương”; Chính phủ Việt Nam đồng ý việc đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân đội Tưởng khi ở Việt Nam và nhân nhượng cho quân Tưởng được sử dụng đồng tiền Quan kim, Quốc tệ song hành cùng đồng bạc Đông Dương. Sau khi bầu cử thành công, Hồ Chí Minh chấp nhận mở rộng thành phần đại biểu Quốc hội, đồng ý bổ sung thêm 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho một số đảng viên của Việt Cách, Việt Quốc; cải tổ, mở rộng thành phần Chính phủ liên hiệp với sự tham gia của nhiều nhân sĩ, trí thức, người không đảng phái và cả một số phần tử cầm đầu tổ chức phản động tay sai của quân Tưởng, trong đó có nhiều ghế Bộ trưởng quan trọng...

Chỉ thị Tình hình và chủ trương, ngày 3-3-1946. Trong đó nêu rõ: “Vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh, vấn đề là biết mình, biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lợi lẫn trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng”¹ và chủ trương tạm thời “dàn hòa với Pháp”, nhân nhượng về lợi ích kinh tế, nhưng đòi Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của Việt Nam, “lợi dụng thời gian hòa hoãn với Pháp để diệt bọn phản động bên trong, tay sai Tàu trắng, trừ những hành động khiêu khích ly gián ta với Pháp”² thúc đẩy nhanh quân Tưởng về nước, bớt đi một kẻ thù nguy hiểm. Ngày 6-3-1946, tại Hà Nội Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp tại Hà Nội là Jean Sainteny (LXanhtony) bản Hiệp định sơ bộ. Hiệp định sơ bộ nêu rõ: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp; về phía Việt Nam đồng ý để 15.000 quân đội Pháp ra miền Bắc thay thế

20 vạn quân đội Tưởng rút về nước và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm; hai bên sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán chính thức để giải quyết mối quan hệ Việt-Pháp..

. Ngay sau khi ký Hiệp định sơ bộ, ngày 9-3-1946, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra ngay bản Chỉ thị Hòa để tiến phân tích, đánh giá chủ trương hòa hoãn và khả năng phát triển của tình hình.

Những chủ trương, biện pháp, sách lược và đối sách đúng đắn của Đảng, tinh thần quyết đoán, sáng tạo của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoài, thù trong những năm đầu chính quyền cách mạng non trẻ đã đem lại thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng: ngăn chặn bước tiến của đội quân xâm lược Pháp ở Nam Bộ, vạch trần và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các kẻ thù; củng cố, giữ vững và bảo vệ bộ máy chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở và những thành quả của cuộc Cách mạng tháng Tám; tạo thêm thời gian hòa bình, hòa hoãn, tranh thủ xây dựng thực lực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Nêu cao ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, thực hành nhân nhượng có nguyên tắc “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Tăng cường đại đoàn kết dân tộc, dựa vào sự ủng hộ vật chất là chính trị, tinh thần của toàn dân. Phát triển thực lực cách mạng. Đó là những thành công và kinh nghiệm nổi bật của Đảng trong lãnh đạo cách mạng, giai đoạn 1945-1946.

Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng

Từ cuối tháng 10-1946, tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng căng thẳng do, nguy cơ một cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp tăng dần. Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân Việt Nam tiếp tục kiềm chế, kiên trì thực hiện chủ trương hòa hoãn và bày tỏ thiện chí hòa bình, nhân nhượng nhằm tìm kiếm con đường hòa bình bảo vệ, giữ gìn toàn vẹn nền độc lập, tự do của Việt Nam, đồng thời cố gắng cứu vãn mối quan hệ Việt- Pháp đang ngày càng xấu đi và ngăn chặn một cuộc chiến tranh nổ ra quá sớm và không cân sức với Pháp.

, Chủ tịch Hồ Chí Minh, thay mặt Chính phủ Việt Nam, đã gửi điện văn, thư từ cho Chính phủ Pháp, cho Thủ tướng Pháp song đều không được hồi đáp; con đường ngoại giao với đại diện Pháp tại Hà Nội cũng đều không đưa đến kết quả tích cực vì phía Pháp chỉ muốn “dùng biện pháp quân sự để giải quyết mối quan hệ Việt- Pháp”

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, tiếp đó chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào các vùng tự do của ta ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ

Trong các ngày 16 và 17-12-1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính của ta; bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh và Hàng Bún. Ngày 18-12, đại diện Pháp ở Hà Nội đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp; giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, gìn giữ an ninh, trật tự của thành phố...

Ngày 12-12-1946, Trung ương ra Chỉ thị Toàn dân kháng chiến. Ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông (nay thuộc quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình hình, kịp thời đề ra chủ trương đối phó và quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ nền độc lập, tự do

Tại Hà Nội, vào lúc 20 giờ 3 phút, pháo đài Láng bắn loạt đại bác đầu tiên vào thành Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. . Cuộc chiến đấu ở mặt trận Hà Nội là quyết liệt nhất, diễn ra liên tục trong suốt 60 ngày đêm khói lửa. Nhiều

trận đánh ác liệt, giằng co, quyết tử, một mất một còn giữa ta và Pháp ở nhà Bắc Bộ phủ, nhà Bưu điện Bờ Hồ, chợ Đồng Xuân, ga Hàng cỏ, sân bay Bạch Mai, Ô cầu Dền... là tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu bất khuất, kiên cường “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” của quân dân cả nước.

. Đến ngày 17-2-1947, Trung đoàn Thủ đô và các lực lượng quân sự đã chủ động rút lui ra ngoài thành phố, lên chiến khu an toàn để củng cố, bảo toàn và phát triển lực lượng kháng chiến lâu dài...

Ở các địa phương khác, như Đà Nẵng, Huế, Vinh, Nam Định, Bắc Ninh, Bắc Giang quân và dân ta cũng đồng loạt nổ súng tấn công vào các vị trí đóng quân của địch trong các đô thị, ngăn chặn địch trên các tuyến giao thông, đánh phá các cơ sở hạ tầng chiến tranh của địch; kìm giữ chân địch không cho chúng mở rộng địa bàn chiếm đóng xung quanh thành phố, thị xã, thị trấn; tiếp tục di chuyển nhân tài, vật lực lên các khu căn cứ địa và ATK...

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947. Nội dung cơ bản của đường lối là: dựa trên sức mạnh toàn dân, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

Chỉ thị Toàn dân kháng chiến (12-12-1946), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946), tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của đồng chí Trường Chinh (8-1947),...

Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn; vì nền tự do dân chủ và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới...

Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến. Xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận”. Trong đó Quân đội nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định. Động viên và phát huy cho được mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân phục vụ kháng chiến thắng lợi.

Kháng chiến lâu dài là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta; lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh. Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Kháng chiến dựa vào sức mình là chính, là sự kế thừa tư tưởng chiến lược trong chỉ đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn có trong nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, để tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện. Lấy độc lập, tự chủ về đường lối là yếu tố quan trọng hàng đầu

Tổ chức chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947-1950

Ngày 6-4-1947, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương, nhấn mạnh việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, củng cố chính quyền nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh công tác ngoại giao và tăng cường công tác xây dựng Đảng với việc mở đợt phát triển đảng viên mới “Lớp tháng Tám”.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp. Tìm hướng đi tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của lực lượng tiến bộ và nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến, đặt cơ quan đại diện ở Thái Lan, Miến Điện (nay là Myanmar), cử các đoàn đại biểu đi dự hội nghị quốc tế...

Về quân sự chặt đứt giao thông, bao vây không để địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau; tổ chức cuộc chiến tranh

nhân dân, đồng loạt tấn công đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của chúng cả đường bộ và đường sông. Ta đã bảo toàn được cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến, đánh bại âm mưu, kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp. Phối hợp với mặt trận chính, Đảng đã chỉ đạo quân dân vùng tạm bị chiếm đẩy mạnh kháng chiến, ra sức đánh phá chính quyền địch, diệt tề, trừ gian, trừng trị nhiều tên Việt gian tay sai đầu sỏ ngay trong sào huyệt của chúng

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa

Tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định 1/1 Ở một chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt-Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950), nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang rộng mở quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển lên giai đoạn mới.

Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950 trải dọc theo tuyến biên giới Việt-Trung từ thị xã Cao Bằng đến Đình Lập (giáp Móng Cái). Đây là chiến dịch quân sự lớn,

quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động mở; đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thị sát và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Cuộc chiến đấu anh dũng và quyết liệt của quân và dân ta diễn ra không nghỉ trong suốt 30 ngày đêm liên tục, từ ngày 16-9 đến 17-10-1950 và đã giành được thắng lợi to lớn, “đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây”. Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II VÀ CHÍNH CƯƠNG CỦA ĐẢNG (2/1951)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, tại xã Vinh Quang (nay là Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Đại hội lần thứ hai của Đảng được tiến hành trong bối cảnh Liên Xô lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng. Mỹ trở thành tên sen đầm quốc tế, tăng cường giúp đỡ Pháp can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Ở trong nước, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Cách mạng Lào và Campuchia cũng có những chuyển biến tích cực.

Theo sáng kiến của những người cộng sản Việt Nam, được những người cộng sản Lào và Campuchia nhất trí tán thành, Đại hội quyết định: Do nhu cầu kháng chiến, giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một đảng riêng. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của báo cáo được phản ánh trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam được Đại hội thông qua, gồm các nội dung quan trọng sau đây:

- Xác định tính chất của xã hội Việt Nam lúc này có 3 tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”. Cuộc kháng chiến để giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế

quốc xâm lược. Đối tượng đấu tranh chính của Việt Nam hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, và phong kiến phản động.

- Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam được xác định là: “đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”. Nhưng nhiệm vụ đó có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng nhiệm vụ chính lúc này là tập trung đấu tranh chống xâm lược, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc.

- Động lực của cách mạng Việt Nam được xác gồm có bốn giai cấp là: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc, ngoài ra còn có những thân sĩ (thân hào, địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Trong đó lấy nền tảng là giai cấp công, giai cấp nông và lao động trí óc; giai cấp công nhân đóng vai trò là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Chính cương cũng nêu ra triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nên nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là quá trình lâu dài, có các giai đoạn phát triển tương ứng với những nhiệm vụ trung tâm, đó là: hoàn thành giải phóng dân tộc; xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; tiến tới xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Nội dung của Chính cương còn nêu ra 15 chính sách lớn của Đảng trong giai đoạn hiện tại nhằm tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, làm tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Điều lệ mới của Đảng được Đại hội thông qua có 13 chương, 71 điều, trong đó xác định rõ mục đích, tôn chỉ của Đảng là phấn đấu “để phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số Việt Nam”⁸¹. Điều lệ Đảng cũng nêu ra những quy định về đảng viên, về nền tảng tư tưởng của Đảng, nguyên tắc hoạt động của Đảng Lao động Việt Nam và nhấn mạnh: “trong giai đoạn này quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam

Đại hội II thành công là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt, là “Đại hội kháng chiến kiến quốc”, “thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam” Tuy nhiên, Đại hội cũng có hạn chế, khuyết điểm về nhận thức là mắc vào tư tưởng “tả” khuynh, giáo điều, rập khuôn máy móc, đưa cả lý luận Xtalin, tưởng Mao Trạch Đông vào làm “nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng

Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt

Trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh việc chăm lo phát triển thực lực, củng cố và tăng cường sức mạnh hậu phương kháng chiến,

Tháng 4-1952, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba của Đảng đề ra những quyết sách lớn về công tác “chính Đảng, chính quân”, xác định đó là nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, xây dựng quân đội giai đoạn này. Cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, khắc phục khó khăn, hăng hái lao động, tăng gia sản xuất đã tự túc một phần lương thực, thực phẩm; bảo đảm đạn dược, thuốc men, quân trang, quân dụng cung cấp đủ cho bộ đội. Chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính, xây dựng ngành thương nghiệp, ngân hàng; thực hiện từng bước chính sách ruộng đất, chính sách thuế nông nghiệp, chính sách địa tô. Các mặt văn hóa, y tế, giáo dục, xây dựng nếp sống mới, củng cố mặt trận dân tộc thống nhất cũng được phát triển và đạt được nhiều thành tựu mới...

Từ đầu năm 1953, Đảng chủ trương đẩy mạnh thực hiện các cải cách dân chủ, phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô, giảm tức tiến tới cải cách ruộng đất nhằm góp phần thúc đẩy kháng chiến mau thắng lợi, thực hiện mục tiêu người cày có ruộng.

Tháng 1-1953, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư đã họp kiểm điểm về thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và quyết định tiến tới cải cách ruộng đất ở một số vùng nông thôn Việt Nam

Tháng 11- 1953, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ năm và Hội nghị toàn quốc của Đảng lần thứ nhất quyết nghị thông qua Cương lĩnh ruộng đất của Đảng Lao động Việt Nam với 23 điều và nêu chủ trương: “phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất”, thực hiện người cày có ruộng, nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của người nông dân. Chủ trương, chính sách về ruộng đất và cải cách ruộng đất của Đảng và Nhà nước ta được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, như: hiến ruộng đất, tịch thu, trưng thu, trưng mua và đem ruộng đất đó chia cho cố nông, bản nông và trung nông lớp dưới là những người không có hoặc thiếu ruộng cày cấy

Ngày 4-12-1953, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất và ngày 19-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành sắc lệnh Luật cải cách ruộng đất.

Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến

Đe đánh bại âm mưu và kế hoạch Nava, Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Từ đầu tháng 9-1953, Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam nghiên cứu, đánh giá toàn diện tình hình quân sự trên chiến trường và vạch ra kế hoạch tác chiến mới. Cuối tháng 9-1953, Bộ Chính trị họp bàn và thông qua chủ trương tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953-1954, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng của ta, giữ vững thế chủ động, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Nghị quyết quan trọng này của Bộ Chính trị đã mở đường đi tới những thắng lợi lịch sử trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện tiền tuyến, nhất là lực lượng nông dân, cho cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất, Bộ Chính trị quyết định thành lập ủy ban chi viện tiền tuyến; Hội đồng cung cấp mặt trận Trung ương và các địa phương cũng được thành lập. Mọi nguồn nhân tài, vật lực, dân công tiếp tế, chi viện cho mặt trận Điện Biên Phủ được tăng cường với hàng vạn ngày công, hàng vạn tấn lương thực, đạn dược, vũ khí, phương tiện trang bị,...

Chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ là thắng lợi của ý chí và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam mà nòng cốt là lực lượng Quân đội nhân dân anh hùng.

Cùng với thắng lợi quân sự to lớn, vang dội ở Điện Biên Phủ, trên toàn chiến trường Đông Dương quân và dân ta cũng giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự ở cả vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, mặt trận Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Những thắng lợi này đã góp phần cổ vũ, tác động tích cực đối với mặt trận Điện Biên Phủ.

Từ cuối năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố về lập trường của Việt Nam là: “Chính phủ Pháp phải thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam”, phải đình chỉ cuộc chiến tranh xâm lược và phải thương lượng trực tiếp và chủ yếu với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa⁸⁷. Tuyên bố này mở đường cho đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Geneve (Giơnevơ, Thụy Sĩ). Chính phủ Pháp không còn sự lựa chọn nào khác, buộc phải đàm phán tại Hội nghị Giơnevơ bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Kết quả Hội nghị phản ánh xu thế chung và cục diện tình hình quốc tế lúc bấy giờ. Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam và mở đường cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho nhân dân ba nước Đông Dương sau này.

Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến:

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã bảo vệ và phát triển tốt nhất các thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; củng cố, phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo tiền đề về chính trị - xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ vững chắc miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam; có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược có quy mô lớn của quân đội nhà nghề có tiềm lực quân sự và kinh tế hùng mạnh với các trang bị vũ khí, công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; được điều hành bởi các nhà chính trị lão luyện, các tướng tá quân sự tài ba của Pháp-Mỹ. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa nhỏ bé đã đánh thắng một cường quốc thực dân, nó có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các châu lục Á, Phi, Mỹ Latinh.

Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

Một là, đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu. Đường lối cơ bản là “kháng chiến và kiến quốc”; kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính. Tinh thần, khí phách đó đã khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mọi nguồn lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống thù trong giặc ngoài, thực hiện mục tiêu độc lập, dân chủ, tiến bộ trong suốt thời kỳ kháng chiến. Kết hợp sức mạnh nội lực của nhân dân Việt Nam với việc tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi của quốc tế, phát huy có hiệu quả cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ đối với cuộc kháng chiến.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận, các lĩnh vực cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên đẩy mạnh hoạt động quân sự đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định. Kết hợp nhuần nhuyễn hình thức đấu tranh trên các mặt trận, lấy quân sự làm nòng cốt, lấy xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm chỗ dựa, nền tảng để củng cố phát triển cơ sở hạ tầng chính trị-xã hội vững chắc, phát huy hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến của Đảng, Chính phủ trên thực tế. Kháng chiến đi đôi với kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến, xây dựng hậu phương-căn cứ địa vững chắc luôn là những nhiệm vụ cơ bản, cùng đồng hành và là nội dung chủ yếu, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến của Đảng Lao động Việt Nam.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn. Phát triển các loại hình chiến tranh đúng đắn, sáng tạo phù hợp với đặc điểm của cuộc kháng chiến và so sánh lực lượng ta địch, đó là loại hình chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Kết hợp chiến tranh chính qui với chiến tranh du kích ở cả mặt trận chính diện và vùng sau lưng địch, vùng tạm bị chiếm. Phát huy sở trường của ta và cách đánh địch sáng tạo, linh hoạt kết hợp với chỉ đạo chiến thuật tác chiến linh hoạt, cơ động, “đánh chắc, tiến chắc, chắc thắng”, thắng từng bước tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị-quân sự của cuộc kháng chiến. Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy lực lượng vũ trang, nhất là Quân đội nhân dân, Công an nhân dân một cách đúng đắn, thích hợp. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trước hết và quan trọng nhất là về tư tưởng - chính trị, trở thành công cụ chuyên chính sắc bén, tin cậy, làm mũi nhọn, nòng cốt cho kháng chiến, làm chỗ dựa cho toàn dân đánh giặc. Đảng và quân đội đã xây dựng thành công hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” trong kháng chiến; xây dựng Công an nhân dân, mang bản chất giai cấp và tính nhân dân sâu sắc, công an là “bạn dân” theo tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận. Xây dựng, bồi đắp hình ảnh, uy tín của Đảng và Chính phủ phải bằng hành động thực tế, bằng sự nêu gương và vai trò tiên phong của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình tổ chức cuộc kháng chiến ở cả căn cứ địa-hậu phương và vùng bị địch tạm chiếm. Hết sức chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên cao nhất, nhiều nhất mọi nguồn lực vật chất trong nhân dân, phát huy cao độ tinh thần, nghị lực của nhân dân; củng cố lòng tin vững chắc của nhân dân đối với thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

CÁCH MẠNG HAI MIỀN NAM BẮC 1954-1975

Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam-Bắc 1954-1965

Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960

Ở miền Bắc: Sau ngày Hiệp định Giơnevơ (7-1954) được ký kết, cách mạng có những đặc điểm và thuận lợi, khó khăn mới.

Đặc điểm chưa có tiền lệ lịch sử là đất nước bị chia làm hai miền, có chế độ chính trị, xã hội khác nhau: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, miền Nam do chính quyền đối phương quản lý, trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.

Trên trường quốc tế, thuận lợi của cách mạng Việt Nam là hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản. Bất lợi là: xuất hiện đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời tổng thống nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện. Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Ở trong nước, thuận lợi là đã có miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước sau 9 năm kháng chiến. Có ý chí độc lập thống nhất của nhân dân cả nước. Khó khăn là: đất nước chia làm hai miền, có chế độ chính trị khác nhau, miền Nam do đế quốc, tay sai kiểm soát, không chịu thực hiện hòa bình thống nhất đất nước. Kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu. Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam.

Tình hình phức tạp nêu trên đã đặt Đảng ta trước một yêu cầu bức thiết là phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên phù hợp với tình hình mới của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại. Trải qua nhiều hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, chủ trương chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới của Đảng từng bước hình thành.

về chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội,

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định, đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường sau 9 năm chiến tranh.

Hội nghị lần thứ bảy (3-1955) và lần thứ tám (8-1955) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định: Mỹ và tay sai đã hất cẳng Pháp ở miền Nam, công khai lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ, đàn áp phong trào cách mạng. Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), tháng 9-1956, đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm, trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên Trung ương Đảng. Công tác sửa sai trong năm 1956 đã được Đảng chỉ đạo, tiến hành một cách thành khẩn, kiên quyết, khẩn trương, thận trọng và có kế hoạch chặt chẽ, nên từng bước đã khắc phục được những sai lầm đã xảy ra. Năm 1956 cũng đã phê phán, uốn nắn, chấn chỉnh kịp thời vấn đề Nhân văn Giai phẩm

Tháng 12-1957, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới. Đến tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960). Cũng như tư duy, nhận thức chung của các nước xã hội chủ nghĩa anh em lúc đó, coi nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội là có 2 thành phần (quốc doanh và tập thể), Hội nghị đã xác định phải cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, tư bản tư doanh, khuyến khích chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất thành sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể. Mục tiêu trước mắt là xây dựng, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 4-1959, Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, xác định hình thức và bước đi của hợp tác xã là: hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa, do vậy hợp tác hóa phải đi đôi với thủy lợi hóa và tổ chức lại lao động, đề phát huy tính ưu việt và sức mạnh của tập thể. Hội nghị chỉ rõ ba nguyên tắc cần được quán triệt trong suốt quá trình xây dựng hợp tác xã là: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, Hội nghị chủ trương cải tạo hòa bình đối với giai cấp tư sản. về chính trị, vẫn coi giai cấp tư sản là thành viên của Mặt trận Tổ quốc, về kinh tế không tịch thu tư liệu sản xuất của họ, mà dùng chính sách chuộc lại, thông qua hình thức công tư hợp doanh, sắp xếp công việc cho người tư sản trong xí nghiệp, dần dần cải tạo họ thành người lao động.

Kết quả của ba năm phát triển kinh tế-văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) đã tạo nên những chuyển biến cách mạng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Ở miền Nam, từ năm 1954, lợi dụng sự thất bại và khó khăn của Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam. Âm mưu xâm lược của Mỹ đối với miền Nam là biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài Việt Nam; xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa từ phía Đông Nam khi có điều kiện; biến miền Nam thành một mắt xích trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống vùng này.

Mỹ đã sử dụng nhiều thủ đoạn về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, nhất là nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống. Dịch vừa dụ dỗ lừa bịp vừa đàn áp, khủng bố với nhiều thủ đoạn thâm độc, dã man, ráo riết thi hành quốc sách “tố cộng, diệt cộng”, lập “khu trù mật”, “khu dinh điền” nhằm mục đích

bất bớ, trả thù tất cả những người yêu nước kháng chiến cũ, thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của các tầng lớp nhân dân; gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu ở Bến Tre, Quảng Nam, Phú Yên.

Nghị quyết Bộ Chính trị, tháng 9-1954, nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi thi hành Hiệp định; chuyển hướng công tác cho phù hợp điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất, độc lập, đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, do Luật sư Nguyễn Plửu Thọ làm Chủ tịch. Từ đây cách mạng miền Nam đã có một tổ chức chính trị để tập hợp rộng rãi quần chúng, nhân dân đoàn kết đấu tranh theo chương trình hành động 10 điểm, hướng tới mục tiêu đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, xây dựng một miền Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà về đường lối chung của cách mạng Việt Nam, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

về mục tiêu chiến lược chung, Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

về hòa bình thống nhất Tổ quốc, Đại hội chủ trương (hay phương châm) kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

về triển vọng của cách mạng, Đại hội nhận định cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

về xây dựng chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị,

tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, hai mặt này có quan hệ mật thiết, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cùng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội phù hợp với chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đã đề ra đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG CẢ NƯỚC 1965-1975

Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, để cứu vãn cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới, ngăn chặn sự sụp đổ của chính quyền và quân đội Sài Gòn, chính quyền của Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson (L.Giôn xon) quyết định tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam

Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc và hạ quyết tâm chiến lược: “Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà”

Nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong giai đoạn mới là sự kế thừa và phát triển sáng tạo đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam đã được Đảng đề ra tại Đại hội lần thứ III (1960), gồm các nội dung lớn là:

Quyết tâm chiến lược: Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, cuộc chiến tranh trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường; cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới. Cuộc chiến tranh đó được đề ra trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược; Mỹ không thể nào cứu vãn được tình thế nguy khốn, bế tắc của chúng ở miền Nam. Từ sự phân tích và nhận định trên, Trung ương khẳng định chúng ta có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

Mục tiêu chiến lược: Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Phương châm chiến lược: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh; cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam.

Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thế chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ 1965-1968

Ở miền Bắc: Từ ngày 5-8-1964, Mỹ dựng lên “sự kiện vịnh Bắc Bộ” nhằm lấy cớ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại. Trên thực tế, đế quốc Mỹ đã huy động lực lượng lớn không quân và hải quân, trút hàng triệu tấn bom đạn, tàn phá, hủy hoại nhiều thành phố, thị xã, thị trấn, xóm làng, nhiều công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nhiều bệnh viện, trường học, nhà ở, giết hại nhiều dân thường, gây nên những tội ác tày trời với nhân dân ta.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã kịp thời xác định chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh: Một là, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; Hai là, tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; Ba là, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam; Bốn là, phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Chủ trương chuyển hướng và những nhiệm vụ của miền Bắc phản ánh quyết tâm của Đảng và nhân dân ta trong việc kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường sức mạnh của miền Bắc làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp chống Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quyết tâm đó đã được thể hiện trong Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 17-7-1966: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập, tự do

Thực hiện những nghị quyết của Đảng và theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc đã đẩy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục, làm cho miền Bắc ngày càng thêm vững mạnh. Chế độ xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng ở miền Bắc lúc đó đã vượt qua được nhiều thử thách nghiêm trọng và ngày càng phát huy tính ưu việt trong chiến tranh. Chuyển hướng kinh tế, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh có chiến tranh là nét đặc biệt chưa có tiền lệ. Sản xuất nông nghiệp không những không giảm sút mà còn có bước phát triển tiến bộ. Cơ sở vật chất-kỹ thuật trong nông nghiệp được tăng cường so với trước chiến tranh;

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì mặc dù gặp nhiều khó khăn gay gắt. Nhiều nhà máy và xí nghiệp lớn phải sơ tán hoặc phân nhỏ để tiếp tục sản xuất trong điều kiện có chiến tranh. Công nghiệp địa phương phát triển mạnh.

Đời sống nhân dân căn bản được ổn định. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, đào tạo cán bộ chẳng những không ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời chiến và đạt nhiều kết quả tốt. Công tác nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên được đẩy mạnh, vừa phục vụ sự nghiệp xây dựng kinh tế trước mắt, vừa chuẩn bị cho nhiệm vụ lâu dài xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Nam: Cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ tiến hành là cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, mạnh nhất, kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai với sự tham gia của quân đội Mỹ và nhiều nước chư hầu

Theo đường lối kháng chiến của Đảng và được hậu phương miền Bắc ra sức chi viện, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu chống lại cuộc “chiến tranh cục bộ” của Mỹ và tay sai.

Sau chiến thắng Vạn Tường, một cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy được đẩy lên mạnh mẽ khắp chiến trường miền Nam. Với thế trận chiến tranh nhân dân được xây dựng và phát triển trên ba vùng chiến lược, quân và dân miền Nam đã giữ vững quyền chủ động trên khắp chiến trường

Đến mùa khô 1966-1967, với lực lượng hùng hậu, gồm 39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn chư hầu và 54 vạn quân ngụy cùng với 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng và xe bọc thép, Mỹ đã mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm vào hướng từ Tây Nguyên đến Sài Gòn. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của địch đều bị bẻ gãy và bị tổn thất nặng nề

Đến cuối năm 1967, cuộc “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ đã được đẩy đến đỉnh cao, số quân viễn chinh đổ vào miền Nam đã lên 48 vạn, mọi thủ đoạn và biện pháp chiến tranh đã được sử dụng, thế nhưng, đế quốc Mỹ vẫn không sao thực hiện được các mục tiêu chính trị và quân sự đã đề ra.

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một chủ trương táo bạo và sáng tạo của Đảng, đánh thẳng vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 là một đòn tiến công chiến lược đánh vào tận hang ổ kẻ thù

Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ phá sản. Mỹ buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Paris (Pháp) từ ngày 13-5-1968. Phái đoàn đàm phán của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng đoàn và đồng chí Lê Đức Thọ ủy viên Bộ Chính trị làm cố vấn. Tháng 1-1969, Mỹ phải chấp nhận cuộc đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Paris, có sự tham gia của đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập ngày 6-6-1969 do kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch và cử đoàn đại biểu tham gia đàm phán ở Paris do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình làm Trưởng đoàn.

Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất. Tổ quốc 1969-1975

Tranh thủ những thuận lợi mới do Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, từ tháng 11-1968, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc thực hiện các kế hoạch ngắn hạn nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục cuộc xây dựng miền Bắc và tăng cường lực lượng cho miền Nam.

Sau ngày Hiệp định Paris được ký kết, miền Bắc có hòa bình, Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế 1974-1975. Với khí thế chiến thắng, nhân dân miền Bắc đã lao động hăng hái, khan trương, thực hiện có hiệu quả kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế. Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường. Năng lực sản xuất nhiều ngành kinh tế như công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải được tăng cường thêm một bước. Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trên một số mặt quan trọng đã đạt và vượt mức

năm 1965. Đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện. Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Hàng chục vạn thanh niên đã nô nức tòng quân, lên đường ra mặt trận. Hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ và nhân viên chuyên môn kỹ thuật cũng hăng hái vào Nam làm nhiệm vụ chống Mỹ.

Với tiềm lực kinh tế và quốc phòng được xây dựng, cùng với việc tiếp thu và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế, miền Bắc đang đứng vững trong chiến tranh, mà còn đánh thắng oanh liệt hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng kỹ thuật và phương tiện hiện đại nhất của đế quốc Mỹ. Qua hai lần chống chiến tranh phá hoại, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 4.181 máy bay trong đó có nhiều B.52, bắn cháy 271 tàu chiến của Mỹ, bắt và tiêu diệt hàng ngàn giặc lái Mỹ.

Miền Bắc còn hoàn thành nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia. Tính tổng thể, hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã bảo đảm 80% bộ đội chủ lực, 70% vũ khí và lương thực, 65% thực phẩm cho chiến trường miền Nam, nhất là ở giai đoạn cuối.

Ở miền Nam, Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) và Hội nghị Bộ Chính trị (6-1970) đã đề ra chủ trương mới nhằm chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi chương trình “bình định” của địch, về mặt tác chiến, lưu ý trong khi đẩy mạnh tác chiến chính quy của bộ đội chủ lực, phải kiên quyết thực hiện cho kỳ được một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, phát triển mạnh mẽ ba thứ quân, tăng cường lực lượng vũ trang tại chỗ.

Năm 1971, quân và dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn “Lam Sơn 719” của Mỹ-ngụy đánh vào Đường 9-Nam Lào nhằm cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh, cắt đứt con đường tiếp tế quan trọng của miền Bắc đối với miền Nam và phong trào kháng chiến Campuchia. Cũng vào thời gian này, quân và dân ta cùng với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân “Toàn thắng 1- 1971” của Mỹ-ngụy đánh vào các hậu cứ kháng chiến tại Đông-Bắc Campuchia.

Vào mùa Xuân-Hè năm 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định trong năm bầu cử tổng thống Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng ở thế thua, quân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược với quy mô lớn, cường độ mạnh. Cuộc tiến công chiến lược được bắt đầu từ hướng chủ yếu là Trị-Thiên, đánh thẳng vào tuyến phòng ngự của địch ở Đường 9, tiếp theo là các hướng Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, rồi đến đồng bằng Khu V và đồng bằng sông Cửu Long.

Với việc ký kết Hiệp định Paris, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã giành thêm thắng lợi hết sức to lớn và có tính chất quyết định. Nhân dân ta đã đạt được mục tiêu quan trọng hàng đầu là đè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Bộ Chính trị đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976 theo tinh thần là: năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra trong 55 ngày đêm từ ngày 10-3 đến ngày 30-4-1975. Vào 11 giờ 30 phút, ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng được cắm trên nóc dinh Độc lập. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã toàn thắng, đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng, 117 năm chống đế quốc xâm lược, quét sạch quân xâm lược, giành lại nền độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.

Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội; làm tăng thêm sức mạnh

vật chất tinh thần, thể và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; nâng cao khí phách, niềm tự hào và để những kinh nghiệm quý cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc tiến công vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm phá sản các chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và tác động đến nội tình nước Mỹ; làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước như Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: là sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam.

Kinh nghiệm:

Một là, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

Hai là, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp

Ba là, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn.

Bốn là, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

Hạn chế của Đảng trong chỉ thực tiễn: có thời điểm đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch chưa thật đầy đủ và còn có những biểu hiện nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

ĐẠI HỘI IV

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế tham dự.

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để “xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại hội đã phân tích tình hình thế giới, trong nước và nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: “Một/ là, nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Hai/ là, Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra. Ba/ là, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt”

Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của nước ta là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về

quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học-kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”

Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bang ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế côngnông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác

Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá (1976-1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể; coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội lần thứ IV của Đảng còn bộc lộ một số hạn chế như: Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện thời chiến, vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, vừa làm nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế. Trong điều kiện đó không thể áp dụng đầu đủ các quy luật kinh tế, không thể hạch toán kinh tế mà tất yếu phải thực hành chính sách bao cấp để đáp ứng yêu cầu tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong điều kiện đó, chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh. Việc dự kiến thời gian hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế của đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm để kết thúc thời kỳ

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Ban Chấp hành Trung ương đã họp nhiều lần, tập trung chủ yếu vào chỉ đạo phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và phân phối lưu thông.

Trước hiện tượng “khoán chui” trong hợp tác xã nông nghiệp ở một số địa phương, sau khi tổ chức thí điểm, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW (1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Theo Chỉ thị, mỗi xã viên nhận mức khoán theo diện tích và tự mình làm các khâu, cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Thu hoạch vượt mức khoán sẽ được hưởng và tự do mua bán. Chủ trương đó được nông dân cả nước ủng hộ, nhanh chóng thành phong trào quần chúng sâu rộng. Sản lượng lương thực bình quân từ 13,4 triệu tấn/năm thời kỳ 1976-1980 tăng lên 17 triệu tấn/năm thời kỳ 1981-1985; những hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong sản xuất nông nghiệp giảm đi đáng kể.

Trong lĩnh vực công nghiệp, trước các hiện tượng “xé rào” bù giá vào lương ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP (1- 1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước. Những chủ trương trên đã tạo nên động lực mới, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.

ĐẠI HỘI V

Đại hội Đảng lần thứ V họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 trong bối cảnh tình hình và thế giới trong nước có một số mặt thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn, thách thức mới. Hoa Kỳ tiếp tục thực hiện chính sách bao vây cấm vận và “kế hoạch hậu chiến”. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế ra sức tuyên truyền xuyên tạc việc quân tình nguyện Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương. Trong nước, tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội ở nước ta ngày càng trầm trọng.

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá thành tựu, khuyết điểm sai lầm của Đảng, phân tích nguyên nhân thắng lợi và khó khăn của đất nước, những biến động của tình hình thế giới; khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ IV đề ra. Ngoài thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại, xây dựng Đảng... Đại hội V đã bổ sung đường lối chung do Đại hội IV đề ra những quan điểm mới:

Khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những khó khăn về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Đó là thời kỳ khó khăn, phức tạp, lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường. Hiện nay nước ta đang ở chặng đường đầu tiên với nội dung kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội rất nặng nề. Chặng đường trước mắt bao gồm thời kỳ 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến những năm 1990 là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt. Nhiệm vụ của chặng đường trước mắt là ổn định tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội. “Kinh nghiệm của 5 năm 1976-1980 cho thấy phải cụ thể hoá đường lối của Đảng-đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, vạch ra chiến lược kinh tế, xã hội cho chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa” Chặng đường trước mắt trong những năm 80 là ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu; đáp ứng nhu cầu của quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

Cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. “Trong khi không một phút lơ lửng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội

Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là: tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công nghiệp hợp lý. Nhận thức đó phù hợp với thực tiễn nước ta, khai thác và phát huy thế mạnh, tiềm năng của đất nước về lao động, đất đai, ngành nghề..., làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên, tạo ra những tiền đề cần thiết cho chặng đường tiếp theo

Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Đường lối chung là hoàn toàn đúng đắn; khuyết điểm là trong khâu tổ chức thực hiện, nên đã không có được những sửa chữa đúng mức và cần thiết. Đại hội chưa thấy hết sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa xác định những quan điểm kết hợp kế hoạch với thị trường, về công tác quản lý lưu thông, phân phối; vẫn tiếp tục chủ trương hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam trong vòng 5 năm; vẫn tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc phát triển công nghiệp nặng một cách tràn lan; không dứt khoát dành thêm vốn và vật tư cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng...

Các biróc đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế

Hội nghị Trung ương 6 (7-1984) chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông với hai loại công việc cần làm ngay: Một là, phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do; Hai là, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế.

Hội nghị Trung ương 7 (12-1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm.

Nổi bật nhất là Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985) được coi là bước đột phá thứ hai trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng. Tại Hội nghị này, Trung ương chủ trương xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8-1986) đưa ra “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là bước đột phá thứ ba về đổi mới lãnh đạo, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới của Đảng. Nội dung đổi mới có tính đột phá là:

về cơ cấu sản xuất, Hội nghị cho rằng, chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất.

về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Hội nghị cho rằng, do chưa nắm vững quy luật đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên chúng ta đã phạm nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa.

về cơ chế quản lý kinh tế, Hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tổng kết 10 năm 1975-1986, Đảng đã khẳng định 3 thành tựu nổi bật: Thực hiện thắng lợi chủ trương thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước; đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

Các bước đột phá tháng 8-1979, tháng 6-1985 và tháng 8-1986 phản ánh sự phát triển nhận thức từ quá trình khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn, từ sáng kiến và nguyện vọng lợi ích của nhân dân để hình thành đường lối đổi mới.

ĐẠI HỘI VI

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986. Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho gần 2 triệu đảng viên cả nước và có 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự.

Đại hội rút ra bốn bài học quý báu:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Đường lối phát triển kinh tế:

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.

Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ

Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển.

Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực, có hiệu quả các chính sách xã hội.

Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh

- Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là:

Bổ trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa;

sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế;

đổi mới cơ chế quản lý kinh tế,

phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật;

mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

- Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người, cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được những nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Bốn nhóm chính sách xã hội là:

Ke hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động

Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội.

Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân.

Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

Đối, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới. Ket hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu để huy động lực lượng của quần chúng.

Kết quả

Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm; lạm phát tăng 300% năm 1985 lên 774% năm 1986. Các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến. Đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước.

Ở trong nước, những năm 1987-1988, khủng hoảng kinh tế-xã hội vẫn diễn ra nghiêm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao, đời sống nhân dân rất khó khăn. Sự dao động về tư tưởng chính trị, giảm sút niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa ngày càng lan rộng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật là ở các lĩnh vực sau:

Hội nghị Trung ương 2 (4-1987) chủ trương về một số biện pháp cấp bách về phân phối lưu thông. Trọng tâm là thực hiện bốn giảm: Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân; mở rộng giao lưu hàng hoá, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông; thực hiện cơ chế một giá và chế độ lương thống nhất cả nước; giảm tỷ lệ bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt, tiết kiệm chi tiêu, chống tiêu cực; chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế.

Trong nông nghiệp nổi bật là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4-1988) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (gọi tắt là Khoán 10). Theo đó, người nông dân được nhận khoán và canh tác trên diện tích ổn định trong 15 năm; bảo đảm có thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên.

Trong công nghiệp, xoá bỏ chế độ tập trung, bao cấp, chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra động lực mạnh mẽ, giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học-kỹ thuật, phát triển kinh tế hàng hoá theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

Hội nghị Trung ương 2 (4-1987) đề ra những chủ trương, biện pháp cấp bách về phân phối lưu thông, thực hiện bốn giảm: Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân.

Nhằm thực hiện đổi mới tư duy của Đảng, Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) và Hội nghị Trung ương 8 (3-1990) tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng². Điểm nổi bật yêu cầu Đảng phải đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm nhằm phục vụ thiết thực việc đổi mới tư duy, cụ thể hoá kịp thời, đúng đắn các nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế-xã hội. Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

ĐẠI HỘI VII

Đại hội lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra năm bài học lớn.

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Năm. là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Cương lĩnh nêu ra 7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội là:

Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa

Phát triển lực lượng sản xuất,

Công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm.

Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu;

Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.

Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

- Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cương lĩnh chỉ rõ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng-an ninh, đối ngoại. “Mục tiêu tổng quát phải đạt tới, khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”

Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Quan điểm chỉ đạo của Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000 là:

Phát triển kinh tế-xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hoá, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước.

Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp

- Tổng kết bài học bước đầu qua 5 năm đổi mới:

Một là, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội.

Bon là, tiếp tục phát huy sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp.

Năm là, trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới.

- Quá trình chỉ đạo:

Hội nghị Trung ương 3 (6-1992) đã thảo luận và đưa ra ba quyết sách quan trọng, đúng đắn về củng cố quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Hội nghị Trung ương 5 (6-1993), đưa ra các chính sách đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Trung ương xác định ba mục tiêu chủ yếu là: Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh có cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của nông dân; có hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội; tăng cường đoàn kết và ổn định chính trị, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh.

Hội nghị Trung ương 7 (7-1994) chủ trương phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng: Hội nghị khẳng định, đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, song Đảng đã mạnh dạn tìm tòi và giành thắng lợi quan trọng và Đảng khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí, nhân dân ta cần cù, thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường.

Kết quả, sau 5 năm 1991-1995, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm đã hoàn thành vượt mức, GDP đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5-6,5%). Đã bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

Đại hội VII khẳng định nền kinh tế bước đầu chuyển biến tích cực, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lạm phát năm 1988: 393,3%, năm 1990 còn 67,4%.

ĐẠI HỘI VIII

Đại hội VIII họp tại Hà Nội, từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996,

- . Đại hội nêu ra sáu bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới:

Một là, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới.

Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Ba là, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

Năm là, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại.

Sáu là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

- Quan điểm về công nghiệp hoá trong thời kỳ mới gồm:

1) Giữ vững độc lập, tự chủ,

đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài

.2) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo

.3) Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

4) Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

5) Lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.

6) Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

Sau Đại hội VIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp nhiều lần, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, nổi bật là:

Quan điểm của Đảng: coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. cạnh tranh để công nghiệp hoá, khắc phục xu hướng chạy theo “xã hội tiêu dùng”. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, từng bước vượt qua độ lên chủ nghĩa xã hội. Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước. Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý và điều tiết theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội.

Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hợp tác hoá, dân chủ hoá. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính-tiền tệ; thực hành triệt để tiết kiệm. Tích cực giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế- xã hội.

- Kết quả:

Sau 10 năm đổi mới, nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi bước đầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, phá được thế bị bao vây, cô lập nhưng vẫn là nước nghèo, kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Lạm phát từ 67,1% năm 1991 giảm còn 12,7% năm 1995. rõ hơn.

Tổng kết 10 năm đổi mới (1986-1996) đất nước thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác

Vượt qua khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực từ tháng 7-1997, với các chủ trương trên về kinh tế, cho đến năm 2000, kinh tế đất nước tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm tăng 13,5%. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Năm 2000, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

- Quá trình thực hiện

Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (12-1996) đã ban hành hai nghị quyết quan trọng, nhấn mạnh coi giáo dục-đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Hội nghị Trung ương 3 (6-1997) đã thông qua Nghị quyết về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh

Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7- 1998) đã ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Hội nghị Trung ương 6 lần 2 (2-1999) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng.

Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII (8-1999) đã xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các ban của Đảng ở các cấp; cải tiến cách làm của các cơ quan của Quốc hội, của Chính phủ và chính quyền địa phương; chỉ đạo và sắp xếp tổ chức của hai ngành kiểm sát và toà án; xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII được ví như Tuyên ngôn văn hóa của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó, phong trào thi đua yêu nước “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa” được phát động rộng rãi trên cả nước, trên nhiều lĩnh vực góp phần làm chuyển biến phong phú thêm đời sống tinh thần toàn xã hội.

ĐẠI HỘI IX

Đại hội IX của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001

-Chiến lược: Chiến lược ổn định phát triển kinh tế-xã hội 1991-2000 đã đưa GDP của nước ta từ 15, 5 tỷ USD năm 1991 tăng vượt hơn gấp đôi vào năm 2000, đạt trên 35 tỷ USD. Đại hội đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm tiếp theo (2001-2010) với mục tiêu tổng quát là đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; tiếp tục đưa GDP năm 2010 lên gấp đôi so với năm 2000.

-mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức phân phối, chủ yếu phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội.

-Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại”. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội; làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, về năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội

- Kết quả:

Đại hội mở đầu thế kỷ XXI, cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.

. Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới nhưng nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm mà Đại hội VIII đề ra là 9-10% đã không đạt.

Kết quả thực hiện Chiến lược ổn định phát triển kinh tế-xã hội 1991-2000 đã đưa GDP của nước ta từ 15,5 tỷ USD năm 1991 tăng vượt hơn gấp đôi vào năm 2000, đạt trên 35 tỷ USD. Đại hội đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm tiếp theo (2001-2010) với mục tiêu tổng quát là đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; tiếp tục đưa GDP năm 2010 lên gấp đôi so với năm 2000.

- Quá trình chỉ đạo thực hiện:

+ Hội nghị Trung ương 3 (9-2001) đã chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước tạo bước phát triển mới, tạo thế và lực cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Hội nghị Trung ương 5 (3-2002) đã thống nhất nhận thức về sự cần thiết phát triển kinh tế tập thể và chủ trương xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách; nâng cao vai trò quản lý của nhà nước; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể

+ Hội nghị Trung ương 7 (3-2003)¹ đã thống nhất nhận thức coi đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn của đất nước; quyền sử dụng đất là hàng hoá đặc biệt.

+ Chỉ thị số 23-CT/TW về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới nhằm làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định và làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội ta.

+ Hội nghị Trung ương 8 (7-2003) đã ra kịp thời thảo luận và ban hành Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

+ Nghị quyết số 36 chủ trương coi người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời, là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước.

ĐẠI HỘI X

Đại hội X của Đảng họp tại Hà Nội, họp từ ngày 18 đến ngày 25-4-2006,

- Đại hội đã chỉ ra những bài học cần thiết để tiếp tục hoàn thiện đường lối chỉ đạo đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới trong những năm tiếp theo. Những bài học đó là:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đại hội X có sự tiếp thu, bổ sung hai đặc trưng mới của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng so với Cương lĩnh năm 1991 là: Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, diễn đạt lại các đặc trưng khác. Cụ thể: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

- 3 nội dung mới:

+ Phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, từ đội ngũ cán bộ đến phương thức lãnh đạo của Đảng.

+ lấy mục tiêu chung của toàn dân tộc là giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

+ Tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. _Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

- Kết quả

+ về đối ngoại, thành tựu nổi bật sau 5 năm (2006-2010) là đã mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại, góp phần tạo ra thế và lực mới, giữ vững ổn định chính trị và tạo được một môi trường quốc tế thuận lợi chưa từng có để giữ vững hoà bình, an ninh và mở rộng hợp tác, tranh thủ, vốn, kỹ thuật, trí thức, kinh nghiệm để phát triển đất nước. Việt Nam đã trở thành thành viên 150 của tổ chức WTO; đăng cai và tổ chức thành công tuần lễ cao cấp APEC (Diễn đàn kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương) lần thứ 14 (11-2006). Đến năm 2010, Việt Nam có quan hệ thương mại đầu tư với 230 nước và vùng lãnh thổ, trong đó các đối tác lớn nhất là Trung Quốc với 25 tỉ USD thương mại hai chiều, với Mỹ là 16 tỉ USD.

+ Những chủ trương nêu trên đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh 5 năm (2005-2010): tốc độ tăng GDP bình quân đạt 7%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2001-2005, đạt 42,9% GDP. Mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta đạt cao 106. GDP năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Việt Nam năm 2008 đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, đứng vào nhóm các nước có thu nhập trung bình.

+ Sau hơn 20 năm đổi mới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đạt được thành tựu khá toàn diện và to lớn. Nông nghiệp nông thôn đứng trước nhiều thách thức mới, phát triển còn kém bền vững, thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội yếu kém. Đời sống của nông dân còn nhiều khó khăn

- Quá trình chỉ đạo thực hiện:

+ Hội nghị Trung ương 4 (2-2007), Đảng ta ban hành Chiến lược biển

Việt Nam đến năm 2025\ Trung ương nhận định, thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương.

+ Hội nghị Trung ương 5 (7-2007) đã chủ trương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Quan điểm chỉ đạo là: Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong lãnh đạo của Đảng, là nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy.

+ Hội nghị Trung ương 6 (1-2008) đã đưa ra những chủ trương và giải pháp để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

+ Hội nghị Trung ương 7 (2008) đã đánh giá tình hình lần đầu tiên đưa ra những quyết sách mạnh mẽ về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp, giải quyết đồng thời ba vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn

+ Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27-3-2003, của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá IX, toàn Đảng, toàn dân ta đã thu được nhiều kết quả tốt trong học tập, quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

ĐẠI HỘI XI

Đại hội XI của Đảng họp tại Hà Nội họp từ ngày 12 đến ngày 19-1-2011,

Nội dung nổi bật của Đại hội XI là thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời /o) quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011),

Quá trình cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp.

Những định hướng lớn về phát triển lành tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng', an ninh, đối ngoại

Hệ thống chính trị và vai trò của Đảng

- Cương lĩnh khẳng định những bài học kinh nghiệm lớn:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và V/ nhân dân.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp

về đặc điểm, xu thế chung: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển

Đánh giá về chủ nghĩa xã hội: Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. “Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục”

về mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản

Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”

xác định mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI là xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- tám phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Về xây dựng Đảng: Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo

Ba đột phá chiến lược: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

-Kế hoạch 5 năm:

+ Một là, trong bất kỳ điều kiện, tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ Hai là, phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững.

+ Ba là, phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

+ Bốn là, chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

+ Năm là, trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo.

- Kết quả thực hiện:

- + Tiềm lực kinh tế tăng lên, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, kiểm soát được lạm phát. GDP tăng bình quân 5,9%, bình quân thu nhập 2.109 USD....
- + Ngoại giao kinh tế đã góp phần tích cực thúc đẩy quan hệ kinh tế-thương mại-đầu tư với các đối tác, thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế của đất nước. Đến năm 2012 có 36 nước công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. Nhóm các nhà tài trợ cho Việt Nam năm 2011 đã cam kết tài trợ 7,39 tỷ USD. Năm 2012, số lượng đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam đi thăm các nước, lãnh đạo cấp cao của các nước vào thăm Việt Nam tăng mạnh với 31 đoàn, gấp 4-5 lần so với các năm
- + Hoạt động ngoại giao của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương như là APEC, ASEM, đặc biệt là trong ASEAN được triển khai một cách tích cực, thể hiện vị thế, vai trò ngày càng tăng của Việt Nam. Ngoại giao văn hoá tiếp tục được triển khai mạnh mẽ

- Quá trình chỉ đạo thực hiện:

- + Hội nghị Trung ương 4 (1-2012) chủ trương xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 \ Trung ương nhấn mạnh quan điểm: Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải hiện đại, đồng bộ trên phạm vi cả nước, từng ngành, từng vùng và từng địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- + Hội nghị Trung ương 5, khóa X (5- 2012)1 đã khẳng định: Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt; là tài sản, nguồn lực to lớn của đất nước, là nguồn sống của nhân dân ta; quyền sử dụng đất là hàng hoá đặc biệt.
- + Hội nghị Trung ương 6, khóa X (5-2012) ban hành Kết luận về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước
- + Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX (3-2003), việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai đã thu được nhiều kết quả tích cực.
- + Chỉ thị số 03 (5-2011) về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
- + Hội nghị Trung ương 8 (11- 2013) đã ra Nghị quyết “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
- + Hội nghị Trung ương 9, khóa XI (5-2014) nêu chủ trương tiếp tục xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

ĐẠI HỘI XII

Đại hội XII của Đảng họp từ ngày 21 đến 28-1-2016 Tổng kết 30 năm đổi mới (1986-2016)

Đại hội XII đã kiểm điểm, đánh giá thành quả quan trọng, những hạn chế, yếu kém trong 5 năm thực hiện Nghị quyết đại hội XI (2011-2015); tổng kết 30 năm đổi mới (1986-2016) và nêu mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016-2021. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Đại hội XII rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, trước những khó khăn, thách thức trên con đường đổi mới, phải hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phải phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, bám sát thực tiễn của đất nước và thế giới; đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp.

Ba là, gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Bốn là, kiên trì thực hiện các mục tiêu lâu dài, các nhiệm vụ cơ bản, đồng thời tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, giải quyết dứt điểm những yếu kém, ách tắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển; phát huy mọi nguồn lực trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Năm là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia-dân tộc làm mục tiêu cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

-Đại hội, nêu rõ sáu nhiệm vụ trọng tâm:

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

- Quá trình chỉ đạo:

Hội nghị Trung ương 4, khóa XII (10-2016) đã ra Nghị quyết về tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế

Hội nghị Trung ương 5 (5-2017) chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX (8-2001), các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”, kinh tế tư nhân ở nước ta đã không ngừng phát triển, đóng góp ngày càng lớn hơn vào sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Hội nghị Trung ương 5, khóa XII (5-2017) chủ trương phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, đã có nhiều chuyển mới cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn về thực hiện Chiến lược biển

Hội nghị Trung ương 8 (10-2018) đề ra Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về ‘Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh’ đã đạt được kết quả bước đầu, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và công tác xây dựng Đảng.

Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (5-2016) tiếp tục đẩy mạnh “Học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, coi đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ.

Hội nghị Trung ương 4 (10-2016) ra Nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ

Hội nghị Trung ương 7 khóa XII (5-2018) đã ban hành Nghị quyết tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Tháng 10-2018, Hội nghị Trung ương 8 của Đảng đã ban hành Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban Bí thư, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (10-2017) đã ban hành Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới

Hội nghị Trung ương 7 khóa XII (5-2018) đã ban hành Nghị quyết cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Nghị quyết cải cách chính sách bảo hiểm xã hội

THÀNH TỰU CỦA SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Kinh tế tăng trưởng khá, thực lực của nền kinh tế tăng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì hợp lý và được đánh giá là thuộc nhóm nước có mức tăng trưởng khá cao trên thế giới. Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Môi trường đầu tư được cải thiện, đa dạng hóa được nhiều nguồn vốn đầu tư cho phát triển. Thời kỳ 2001-2005 đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm là 7,5% và hai năm 2006-2010 tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 7%/năm; trong 10 năm 2001-2010 tăng trưởng 7,26%/năm, đạt mục tiêu chiến lược đã đề ra; GDP 5 năm 2011-2015 bình quân 5,9%; năm 2018 đạt 6,7%. Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh so với các nước trong khu vực và thế giới, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình trên thế giới.

Năm 2010, GDP đạt 101,6 tỷ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000 (31,2 tỷ USD). Năm 2008, GDP bình quân đầu người theo giá trị thực tế đã đạt 1.047 USD, năm 2010 đạt 1.168 USD, gấp khoảng 3 lần so với năm 2000. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2007-2008 đạt 0,733, xếp hạng 100/177 quốc gia và lãnh thổ, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Năm 2018, GDP tăng trưởng đạt 7,08%, thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 2.500 USD

Văn hóa-xã hội có bước phát triển, bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Trong 30 năm đổi mới, Đảng ta đã ban hành 29 nghị quyết, kết luận, chỉ thị về văn hóa nói chung; về giáo dục, đào tạo; khoa học, công nghệ; báo chí, xuất

bản, văn học, nghệ thuật,... nói riêng. Những văn kiện đó đã thể hiện bước tiến về nhận thức lý luận của Đảng về văn hóa. Bầu không khí xã hội dân chủ, cởi mở hơn; dân trí được nâng cao; tính tích cực cá nhân và xã hội được phát huy

Việc giải quyết các vấn đề xã hội đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Các chính sách về lao động và việc làm của Nhà nước đã chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mỗi năm bình quân tạo ra 1,5-1,6 triệu việc làm mới. Đã tiến hành điều chỉnh chuẩn nghèo theo từng thời kỳ phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước. Chỉ số phát triển con người tăng lên, từ 0,683 năm 2000 lên 0,733 năm 2008, xếp thứ 100/177 nước tham gia xếp hạng. Thu nhập thực tế sau 10 năm gấp 3,5 lần so với năm 2000. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm từ 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2,09 lần năm 2004 và 2 lần năm 2008. Xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ. Đã hoàn thành phần lớn mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên hợp quốc đề ra cho năm 2015. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm bình quân 1,5- 2%/năm. Tỷ lệ nghèo của cả nước năm 1993 là 58% đến năm 2018 còn khoảng 6%. Đến năm 2018, hơn 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo 19 tiêu chí Chính phủ đề ra. Việt Nam đã đạt phổ cập trung học cơ sở. Thành tựu về giảm nghèo của Việt Nam đã được Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế công nhận, đánh giá cao. Chăm sóc sức khỏe nhân dân đã có nhiều tiến bộ, coi trọng cả về xây dựng thể chế, y tế dự phòng, y học cổ truyền, quản lý thuốc, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Chính sách ưu đãi người có công đã được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Cả nước hiện có khoảng 8,8 triệu người có công, chiếm khoảng 10% dân số, có khoảng 1,4 triệu người được hưởng trợ cấp thương mại. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội toàn diện và đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả.

Giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Phát triển và ngày càng hoàn thiện. Nhận thức ngày càng rõ hơn bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một trong hai nhiệm vụ chiến lược, có mối quan hệ biện chứng, không thể tách rời; trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, phải đồng thời coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ Quốc

Đối ngoại đạt nhiều thành tựu mới. Nhận thức chung của Đảng ta về thời đại, về thế giới và khu vực ngày càng rõ và đầy đủ hơn. Từ định hướng coi “đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại” từng bước chuyển sang đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại. Từ chủ trương “muốn là bạn” đến “sẵn sàng là bạn”, “là bạn, là đối tác tin cậy”, là “thành viên có trách nhiệm” của cộng đồng quốc tế. Đổi mới nhận thức về hợp tác và đấu tranh, từ quan niệm về địch, ta, chuyển sang cách nhìn nhận có tính biện chứng về đối tác và đối tượng trên cơ sở lợi ích quốc gia-dân tộc trong từng hoàn cảnh cụ thể. Nhận thức thực tế hơn quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè truyền thống và quan hệ với các nước láng giềng, khu vực, các nước lớn; đưa các mối quan hệ đi vào chiều sâu. Từ “phá thế bị bao vây, cấm vận” tiến đến “hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới”, và tiếp theo là “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” một cách toàn diện.

Đến năm 2018, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước. Nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp ngày càng tích cực, có trách nhiệm vào đời sống chính trị khu vực và thế giới, phát huy vai trò tích cực trong cộng đồng ASEAN. Việt Nam là ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009. Ngày 7-6-2019, Đại hội đồng Liên hiệp quốc bầu Việt Nam làm ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2020-2021 với số phiếu cao 192/193. Năm 1996, Việt Nam tham gia Diễn đàn kinh tế Á-Âu (ASEM). Ngày 14-11-1998, Việt Nam gia nhập tổ chức Hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC). Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC năm 2006 và năm 2017.

MỘT SỐ HẠN CHẾ:

Thực tiễn phát triển công cuộc đổi mới cũng bộc lộ những hạn chế cần phải khắc phục. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ

sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn có một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn để tiếp tục làm rõ.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh quốc gia của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.

Nhiều vấn đề tiêu cực nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới tinh vi và thâm độc chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút

MỘT SỐ KINH NGHIỆM

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm CIUOC tế phù hợp với Việt Nam.

Hai là, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo VCI mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vcm đề do thực tiễn đặt ra.

Bon là, phải đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ CIUOC, các to chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

VẬN DỤNG

Đảng ta đã phát huy tinh thần dân chủ, xây dựng lực lượng đoàn kết toàn dân trong việc phòng chống dịch bệnh covid ở VN hiện nay như thế nào?

Ngay từ khi Đảng ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập trung xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất để quy tụ mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tùy từng giai đoạn cách mạng, Đảng ta đã xây dựng các tổ chức: Hội Phản đế đồng minh (năm 1930); Mặt trận Dân chủ (năm 1936); Mặt trận Nhân dân phản đế (năm 1939); Mặt trận Việt Minh (năm 1941);... Đảng Cộng

sản là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhưng là thành viên lãnh đạo Mặt trận. Vì vậy, Đảng là linh hồn của khối đại đoàn kết dân tộc. Cho nên, Đảng phải có chính sách đúng đắn và có năng lực lãnh đạo thì mới giành được địa vị lãnh đạo Mặt trận. Đảng lãnh đạo Mặt trận bằng việc xác định chính sách Mặt trận đúng đắn. Đảng cần tuyên truyền, giáo dục, nêu gương, lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa, kêu gọi tinh thần tự giác, tự nguyện, tôn trọng các tổ chức, lắng nghe ý kiến người ngoài Đảng... Đảng phải thực sự đoàn kết nhất trí, bởi sức mạnh của Đảng là ở sự đoàn kết nhất trí.

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, Hưởng ứng Lời kêu gọi của đồng chí Tổng Bí thư về phòng, chống đại dịch Covid-19, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và đồng bào ta ở nước ngoài đã đoàn kết “toàn dân tộc muôn người như một” đồng lòng cùng Đảng, Chính phủ, các cấp, các ngành triển khai nhiều giải đồng bộ, quyết liệt ngăn chặn, từng bước đẩy lùi dịch bệnh. phát huy truyền thống “lấy dân làm gốc” hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam đồng lòng quyết tâm “chống dịch như chống giặc”; tất cả các tỉnh, thành phố, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đều vào cuộc, tích cực tham gia phòng, chống dịch Covid-19.

Đảng tập trung chỉ đạo, tháo gỡ những vướng mắc về mặt pháp lý, huy động mọi nguồn lực, khuyến khích xã hội hoá, phát triển "Quỹ vắc-xin" phòng, chống Covid-19, xem xét cho phép tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước tham gia vào lĩnh vực mua, cung cấp vắc-xin ngừa Covid-19 để đẩy nhanh việc mua và tổ chức tốt việc tiêm vắc-xin cho người dân, trong đó, tập trung cho các đối tượng ở tuyến đầu phòng, chống dịch, vùng có nguy cơ cao, người lao động trực tiếp sản xuất ở các khu công nghiệp; nghiên cứu, xem xét việc tiêm vắc-xin cho trẻ em; sớm xây dựng, công khai chương trình, kế hoạch tiêm vắc-xin cho người dân nhằm đạt miễn dịch cộng đồng với lộ trình thời gian cụ thể; tiếp tục xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển vắc-xin trong nước; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phòng, chống dịch, tiếp cận bình đẳng trong cung cấp vắc-xin, nhất là với đối tác, bạn bè truyền thống có tiềm lực về nghiên cứu ứng dụng y khoa trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp vắc-xin.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, các ban, bộ, ngành, các địa phương và nhân dân cả nước đã chủ động, kịp thời, tích cực thực hiện các biện pháp mạnh mẽ, quyết liệt như giãn cách, cách ly xã hội, “chiến lược vaccine”, “vaccine và biện pháp 5K” để phòng, chống, ngăn chặn dịch, bước đầu đã thu được một số kết quả tích cực. Với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân là trên hết,

Người dân tin tưởng vào các quyết sách của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; thực hiện nghiêm quy định về khai báo sức khỏe; cung cấp thông tin liên quan trung thực, chính xác; tự giác thực hiện những biện pháp bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng theo khuyến cáo của Bộ Y tế, đặc biệt là nguyên tắc 5K (Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế).

Sự ủng hộ, quyên góp của mỗi cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đã góp phần hỗ trợ, cổ vũ, động viên to lớn, tiếp thêm nguồn lực để cùng cả nước quyết tâm chiến thắng đại dịch. Tinh thần đại đoàn kết đó đã và đang lan tỏa tinh thần cả nước chung tay phòng chống dịch “không để ai lại phía sau”. Đồng thời, nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm của nhân dân, chung ý chí, vững niềm tin, tích cực chủ động tham gia cùng các lực lượng chức năng phòng chống dịch. Qua đó, đã góp phần kiểm chế, ngăn chặn sự bùng phát của dịch bệnh; chăm lo đời sống, bảo vệ sức khỏe nhân dân góp phần thực hiện thắng lợi “mục tiêu kép” vừa đảm bảo phòng chống hiệu quả vừa phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước.

Học sinh: Tại các trường tiểu học, trung học, học sinh hào hứng tham gia các cuộc thi vẽ tranh, viết thư về chủ đề phòng, chống dịch nhằm động viên, cổ vũ tinh thần các lực lượng trên tuyến đầu đang miệt mài, vất vả ngày đêm chống dịch.

Sinh viên: Không chỉ chấp hành tốt các quy định phòng, chống dịch, quy tắc 5K nhằm bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng mà còn hăng hái tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh sẵn sàng lên đường hỗ trợ, chi viện cho các điểm nóng về dịch bệnh tại nhiều địa phương trong cả nước..

Quan điểm “đại đoàn kết toàn dân tộc” của Đảng được vận dụng sáng tạo trong phòng chống đại dịch Covid-19, đã phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy ý chí, quyết tâm và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước. Tin ở dân, dựa vào dân, tổ chức và phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, bồi dưỡng, đào tạo; phát huy mọi năng lực của nhân dân, để “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”